

Số: 1572 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển mạng lưới y tế tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1576/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-Ctr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030; Kết luận số 03-KL/TU ngày 20/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức hành chính thuộc sở, ban, ngành giai đoạn 2025-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 02-Ctr/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 832/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 106/TB-UBND ngày 08/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 05/5/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2146/TTr-SYT ngày 17/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển mạng lưới y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Phân công thực hiện Đề án

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện các nội dung trong đề án; căn cứ tình hình của từng giai đoạn và các lĩnh vực hoạt động, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện đề án tổng thể; định kỳ kiểm tra, đánh giá và tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng các chế độ, chính sách đặc thù ngành y tế để thực hiện đạt các mục tiêu của Đề án đúng tiến độ. Hoàn thiện các chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hưng Yên cho phù hợp với tình hình thực tế. Trước mắt cần hoàn thiện, xây dựng chính sách để thu hút các chuyên gia giỏi, đầu ngành, đồng thời đào tạo và thu hút lực lượng điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật viên đang rất thiếu trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai, phòng cháy chữa cháy, môi trường, xây dựng... Rà soát, sắp xếp lại các cơ sở y tế nhỏ lẻ, không còn nhu cầu sử dụng đất để bàn giao lại cho các địa phương đưa vào sử dụng.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp các nội dung về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, kết quả thực hiện Đề án.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế tham mưu bố trí các nguồn vốn đầu tư công trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh cho các chương trình, dự án phát triển sự nghiệp y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật đầu tư công, nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí kinh phí để sửa chữa, cải tạo và hoàn thiện các công trình trọng điểm y tế.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện phát triển hệ thống y tế tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, đào tạo nguồn nhân lực... nhằm nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế lập quy hoạch xây dựng các công trình y tế, sắp xếp, bố trí việc định hướng sử dụng các công trình y tế; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định của pháp luật về xây dựng các công trình y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và chính quyền địa phương rà soát, thống kê các quỹ đất trong khu đô thị để đảm bảo diện tích đất dành cho y tế đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế và Ủy ban nhân dân xã, phường lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất y tế; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về bảo vệ và phòng chống ô nhiễm môi trường.

4. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Y tế tiếp tục kiện toàn bộ máy, tổ chức hệ thống y tế; thực hiện các nội dung có liên quan trong quy hoạch, đào tạo đảm bảo theo quy định và phân cấp của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Y tế xây dựng các đề án đảm bảo công tác tuyển dụng, thu hút nhân lực. Thực hiện một số chính sách thí điểm đãi ngộ đặc thù cho thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và trả lương cho các chuyên gia đầu ngành. Chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng, đào tạo phải thực sự đảm bảo mức sống tối thiểu của cán bộ y tế và phù hợp với vị trí và công việc đảm nhiệm.

5. Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình: Phối hợp với các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện đào tạo Bác sĩ, Cử nhân, Cao đẳng Điều dưỡng, Nữ Hộ sinh; từng bước đào tạo Bác sĩ, Dược sĩ sau đại học trong các năm tiếp theo, phù hợp với nhu cầu của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới y tế trên địa bàn phù hợp với các nội dung nêu trong đề án (đặc biệt các nội dung lập quy hoạch đất y tế, việc xây mới, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở y tế trên địa bàn); chỉ đạo và tổ chức triển khai các nội dung trong phạm vi quản lý.

- Căn cứ nhu cầu sử dụng đất y tế, Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát, bổ sung vào điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho mục đích y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / . *Thanh*

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX: Ph, Kh;
- Lưu: VT, KGVXTh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Nghiêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN
2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Hưng Yên)



Hưng Yên, năm 2026

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
BV	Bệnh viện
BHYT	Bảo hiểm Y tế
GPP	Thực hành tốt quản lý nhà thuốc
KCB	Khám chữa bệnh
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
UBND	Ủy ban nhân dân
CNTT	Công nghệ thông tin
HIS	Hospital Information System – Hệ thống thông tin bệnh viện
LIS	Laboratory Information System - Hệ thống Thông tin Xét nghiệm
PACS	Picture Archiving and Communication System - Hệ thống Lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh Y tế
Labo ATSH	Phòng thí nghiệm An toàn sinh học
BKLN	Bệnh không lây nhiễm
ATTP	An toàn thực phẩm
CDC	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sáp nhập tỉnh Thái Bình-Hưng Yên) và Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Những thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe người dân và quản lý, phân bổ nguồn lực y tế.

Phát triển mạng lưới y tế là căn cứ khoa học và thực tiễn phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hưng Yên trong kỳ điều chỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hoàn thiện và phát triển mạng lưới y tế theo địa giới hành chính mới, bảo đảm phân bổ hợp lý các cơ sở y tế, khắc phục tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Phát triển mạng lưới y tế là luận chứng đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp; tổ chức không gian; bố trí sử dụng đất để phát triển cơ sở hạ tầng, mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe; đề xuất lộ trình đầu tư phù hợp để xây dựng cơ sở hạ tầng, mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe đồng bộ, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh và môi trường.

Việc ban hành “*Đề án phát triển mạng lưới y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*” là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Văn bản pháp luật chung

- Luật Quy hoạch – Luật số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch - Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Luật Khám, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

- Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội khóa 15 về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025.

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Chỉ thị 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

2. Các văn bản pháp luật khác có liên quan

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1576/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược Quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định 270/QĐ-TTg ngày 13/2/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 658/QĐ-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y học hiện đại đến năm 2030;

- Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/2/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến 2035, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 615/QĐ-BYT ngày 19/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Đề án Tăng cường đào tạo dược sĩ làm công tác dược lâm sàng, giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2045”;

- Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

- Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 53/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tiêu chuẩn thiết kế Bệnh viện đa khoa: TCVN 9212:2012, TCVN 9213: 2012, TCVN 4470:2012.

- Chương trình hành động số 02- CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Kết luận số 03-KL/TU ngày 20/11/2025 của Hội nghị lần thứ 2 BCH Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức thuộc ban, sở, ngành giai đoạn 2025-2030.

- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 832/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức hành chính thuộc sở, ban, ngành giai đoạn 2025-2030.

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Hệ thống y tế được tổ chức đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, có sự tham gia của cả khu vực công lập và tư nhân, nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao và đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, bảo đảm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho người dân.

- Tuyển tỉnh: 03 Bệnh viện đa khoa; 14 bệnh viện chuyên khoa; 04 trung tâm và 02 chi cục chuyên ngành trực thuộc Sở Y tế.

- Bệnh viện đa khoa khu vực: gồm 20 bệnh viện.

- Tuyển xã, gồm: 104 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn đảm nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cộng đồng.

Hệ thống này giúp bảo đảm dịch vụ y tế phủ rộng toàn tỉnh, tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh thuận lợi.

Ngoài hệ thống y tế công lập, tỉnh Hưng Yên còn có mạng lưới y tế tư nhân khá phát triển: 16 bệnh viện tư nhân; 1.406 cơ sở khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa. Sự phát triển của y dược tư nhân góp phần đa dạng hóa dịch vụ y tế và giảm tải cho các bệnh viện công lập.

Nhân lực y tế và năng lực hệ thống ngày càng được nâng cao: Toàn ngành có hơn 10.160 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong lĩnh vực y tế. Tỷ lệ bác sĩ đạt 12,1 bác sĩ/vạn dân, tăng so với những năm trước. Điều này cho thấy năng lực chuyên môn của mạng lưới y tế ngày càng được cải thiện.

Hệ thống Trạm Y tế xã được củng cố và từng bước hiện đại hóa, đảm nhiệm các nhiệm vụ y tế cơ sở đóng vai trò “gác cổng” chăm sóc sức khỏe:

- Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.
- Quản lý sức khỏe cộng đồng và tiêm chủng mở rộng.
- Phát hiện sớm và quản lý các bệnh không lây nhiễm.
- Tham gia phòng chống dịch bệnh.

Nhờ vậy, nhiều dịch bệnh được kiểm soát và người dân được tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại địa phương.

Kết quả thực tiễn từ hoạt động của mạng lưới y tế: Hằng năm, ngành y tế thực hiện hàng triệu lượt khám chữa bệnh cho người dân; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số; Công tác phòng chống dịch bệnh và y tế dự phòng được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Những kết quả này chứng minh hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh.

PHẦN I

THỰC TRẠNG Y TẾ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

I. HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG Y TẾ

Trong những năm qua, theo sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe Nhân dân, tỉnh Hưng Yên đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân của tỉnh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những mục tiêu, chỉ tiêu của các chương trình Quốc gia về y tế - dân số, chương trình sức khỏe của tỉnh đều

được hoàn thành, trong đó nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức đề ra và ở mức cao nhất trong nhóm các tỉnh cao nhất cả nước. Tỉnh Hưng Yên đã xây dựng nhiều kế hoạch thực hiện các chương trình, chiến lược Quốc gia về phòng chống bệnh tật, nâng cao sức khỏe và tầm vóc cho người dân, thể hiện ở một số lĩnh vực cơ bản sau:

1.1. Hoạt động khám chữa bệnh, phục hồi chức năng

Công tác khám, chữa bệnh đã có bước chuyển tích cực, nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao đã được thực hiện, từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn y tế của các bệnh viện các tuyến và tinh thần thái độ phục vụ. Các bệnh viện áp dụng các giải pháp tổng thể giảm quá tải bệnh viện, bệnh nhân không phải nằm ghép.

Trong thời gian qua, các chỉ tiêu y tế của tỉnh Hưng Yên đều có sự chuyển biến tích cực, cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện, tính chung mỗi năm một bệnh viện triển khai thêm được 10 kỹ thuật mới theo phân tuyến, một số đơn vị đã thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến; tại tuyến tỉnh các bệnh viện đã triển khai được kỹ thuật cao chuyên sâu, nhiều kỹ thuật của tuyến trung ương (*Phẫu thuật tim hở, Can thiệp tim mạch, phẫu thuật thay khớp háng, phẫu thuật nội soi cột sống, điều trị ung thư bằng đa mô thức....*).

+ Bình quân một Bệnh viện đa khoa khám, chữa bệnh ngoại trú cho trên 80.000 lượt người/năm; điều trị nội trú cho trên 10.000 lượt người/năm; tỷ lệ điều trị kết quả khỏi bệnh và đỡ/giảm chiếm trên 90%; tỷ lệ chuyển tuyến giảm dần: khoảng 6% tổng số lượt khám chữa bệnh.

+ Thực hiện khám, chữa bệnh bằng y học hiện đại cho 3.157.580 lượt bệnh nhân, tăng 1,7% lượt so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: 441.041 lượt điều trị nội trú, tăng 1,1%, tỷ lệ nhập viện là 14%, giảm 1,1% so với cùng kỳ.

+ Ngày điều trị trung bình nội trú: 7,1 ngày, giảm 0,1 ngày so với năm 2024, Công suất sử dụng giường thực tế/kế hoạch: 99,1 % tăng 4,8 % (do tăng quy mô giường bệnh). Số ca chuyển viện tuyến trên: 131.628 giảm 2,9 % (ghi nhận công tác chuyên môn). Công tác vận chuyển và chi viện cấp cứu kịp thời, an toàn thực hiện vận chuyển 7.060 chuyển cấp cứu.

+ Mạng lưới khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, phục hồi chức năng tiếp tục ổn định và phát triển, nhất là tại các Trạm Y tế xã, phường.

+ Đến năm 2025 số bác sĩ/10.000 dân của tỉnh Hưng Yên đạt 12,1 bác sĩ/10.000 dân thấp hơn 2,9 bác sĩ so với cả nước (cả nước 15 bác sĩ/10.000 dân).

+ Số giường bệnh/10.000 dân năm 2025 đạt 39,8 giường cao hơn 6,8 giường so với cả nước (cả nước là 33 giường/10.000 dân).

Năng lực khám chữa bệnh của tuyến y tế cơ sở đã được nâng lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, tạo niềm tin và thu hút người dân đến với tuyến y tế cơ sở.

- + Tỷ lệ Trạm Y tế có bác sĩ, có nữ hộ sinh đạt 100%.
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 100%
- + Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia và số bác sĩ/vận dân tăng lên; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 85,6% năm 2020 lên 95% năm 2025.

- Công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong những năm vừa qua có nhiều bước tiến rõ rệt, các đơn vị tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế. Đầu tư thiết bị phục vụ triển khai các phần mềm Quản lý bệnh viện, lưu trữ, truyền tải hình ảnh (PACS), bệnh án điện tử (EMR), quản lý sức khỏe người dân. Đến nay các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã triển khai vận hành cơ bản bệnh án điện tử theo đúng lộ trình, toàn tỉnh hiện có 49 bệnh viện trên địa bàn tỉnh công bố triển khai BADT. Phối hợp BHXH tỉnh trong quản lý và chỉ đạo sử dụng quỹ BHYT hiệu quả, đúng quy định.

Nhìn chung, sau sáp nhập, các chỉ tiêu phát triển của ngành y tế tỉnh Hưng Yên có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống y tế từ tỉnh đến khu vực tiếp tục được củng cố; năng lực chuyên môn, chất lượng khám chữa bệnh và công tác y tế dự phòng được nâng cao. Phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu như số giường bệnh, số bác sĩ/1 vận dân, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế... đều đạt hoặc vượt kế hoạch hằng năm.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2025

(Chi tiết tại bảng 1)

1.2. Y tế dự phòng

Công tác y tế dự phòng luôn được tỉnh Hưng Yên đặc biệt coi trọng và triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Các đơn vị y tế đã chủ động thực hiện tốt công tác dự báo, giám sát bệnh dịch, điều tra ổ dịch và áp dụng kịp thời các biện pháp không chế ngay từ ca bệnh đầu tiên. Nhờ đó, trong những năm qua, hầu hết các dịch bệnh truyền nhiễm đều được kiểm soát sớm, không xảy ra bùng phát diện rộng, không có trường hợp biến chứng nặng và số ca tử vong giảm rõ rệt so với giai đoạn trước.

Trong giai đoạn 2021-2025, các hoạt động về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm; phòng, chống bệnh không lây nhiễm (BKNL); chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; vệ sinh môi trường, y tế trường học; an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm, xét nghiệm; quản lý vắc xin; phòng chống HIV/AIDS; chăm sóc sức khỏe người lao động; truyền thông và các nhiệm vụ chuyên môn khác được tổ chức triển khai thực hiện thống nhất xuyên suốt từ Sở Y tế đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đến Trạm Y tế xã, phường và y tế trường học, doanh nghiệp.

Công tác dự phòng đã ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật là duy trì ổn định tình hình dịch bệnh trên địa bàn, triển khai tiêm chủng rộng khắp,

phát triển năng lực xét nghiệm và duy trì, từng bước khôi phục các dịch vụ y tế dự phòng, khám, chữa bệnh dự phòng, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Hầu hết các chỉ số mục tiêu về y tế, dân số đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- **Công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm:** Duy trì kiểm soát các dịch bệnh truyền nhiễm lưu hành: Không có bùng phát dịch lớn; duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh; kiểm soát tốt các bệnh TCMR (sởi, bạch hầu, ho gà, viêm não...). Hoạt động giám sát véc tơ, cảnh báo dịch được thực hiện thường xuyên, góp phần giảm số ca sốt xuất huyết, tay–chân–miệng, thủy đậu và tiêu chảy cấp. Thực hiện tốt công tác phòng chống lao, kiểm soát lao cộng đồng thông qua các đợt khám sàng lọc, tuyên truyền.

- **Tiêm chủng mở rộng và tiêm chủng dịch vụ:** Độ bao phủ vắc xin tiêm chủng mở rộng đạt cao: Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các mũi đạt ổn định >98% (đồng đều ở quy mô cấp huyện/xã cũ), đảm bảo duy trì thành quả phòng bệnh theo chương trình tiêm chủng mở rộng. Các đợt tiêm Covid-19 được tổ chức an toàn, hiệu quả (số lượng liều lớn, tỷ lệ đối tượng đạt mức cao). Các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ và cũng tham gia nghiên cứu/thu thập dữ liệu cho thử nghiệm lâm sàng vắc xin như vắc xin não mô cầu, phế cầu, Covid - 19,...

- **Phòng, chống HIV/AIDS:** Thực hiện đồng bộ chương trình phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh: Triển khai chương trình phòng, tư vấn, điều trị ARV; được đánh giá tích cực bởi Trung ương và tổ chức quốc tế; duy trì các dự án Quỹ toàn cầu phòng chống HIV/AIDS, dự án hỗ trợ chấm dứt dịch AIDS do CDC Hoa Kỳ. Trong giai đoạn 2020-2025, tình quản lý hàng nghìn người nhiễm HIV và có tỷ lệ nhiễm trong cộng đồng ở mức rất thấp. Chương trình điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng Methadone được mở rộng, duy trì nhiều cơ sở điều trị, phục vụ hàng nghìn lượt bệnh nhân điều trị theo hướng bền vững.

- **Phòng chống bệnh không lây nhiễm (BKNL):** Xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng, chống BKNL (như: quản lý tăng huyết áp, đái tháo đường) với mô hình sàng lọc, quản lý tại tuyến xã; xã tham gia quản lý bệnh đạt tỉ lệ cao; triển khai các hoạt động sàng lọc cộng đồng nhằm phát hiện các bệnh lý không lây nhiễm; xây dựng các mô hình quản lý bệnh, tư vấn, phát hiện, truyền thông vận động phòng chống bệnh tại các xã.

1.3. Kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, vắc xin và sinh phẩm y tế, thiết bị y tế

Hoạt động lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm do Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế) trực tiếp triển khai thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm các sản phẩm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và thiết bị y tế trên quy mô toàn tỉnh. Thời gian qua trung tâm kiểm tra được khoảng gần 150 hoạt chất trong tổng số trên 1.000 hoạt chất đang lưu hành. Tỷ lệ mẫu kiểm tra hết các chỉ tiêu trên 80% kế hoạch năm.

Tổ chức đấu thầu thuốc, hoá chất, vật tư y tế năm 2025; kết quả lựa chọn nhà thầu cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyên môn của các đơn vị. Công tác giám sát, quản lý chất lượng thuốc trên địa bàn được tăng cường và hoạt động hiệu quả. Tổ chức kiểm tra công tác Dược tại một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, trong quá trình kiểm tra đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh một số hoạt động còn tồn tại, hạn chế của đơn vị.

1.4. Giám định y khoa, giám định pháp y, pháp y tâm thần

Thực hiện tốt công tác giám định y khoa, phối hợp triển khai công tác khám giám định cho các đối tượng chính sách, đảm bảo đúng quy định. Năm 2025 khám, giám định y khoa: 1.687 trường hợp, Khám, giám định pháp y: 680 trường hợp.

Hội đồng giám định y khoa, giám định pháp y thường xuyên được kiện toàn bổ sung và thực hiện nghiêm túc các quy trình, nguyên tắc khám giám định cho các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo kết quả khám giám định khách quan, trung thực, chính xác.

1.5. Dân số và phát triển

1.5.1. Thực trạng dân số tỉnh Hưng Yên

Công tác dân số kế hoạch hóa đã thực hiện tốt mục tiêu nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời; ổn định quy mô dân số; nhu cầu sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân được đáp ứng đầy đủ và có chất lượng; kiểm soát được tình hình mất cân bằng giới tính khi sinh; tổng số nạo phá thai dần dần được kéo giảm.

Hưng Yên là tỉnh có dân số đông, đến năm 2025 dân số của tỉnh là 3.235.167⁽¹⁾ người, tăng 95.836 người so với năm 2020 (Năm 2020: 3.139.331 người), tăng 202.806 người so với năm 2015 (Năm 2015: 3.032.361 người), đứng thứ 16 cả nước. Mật độ dân số cao, năm 2025 mật độ dân số toàn tỉnh là 1.286 người/km², cao hơn so với năm 2020 là 38 người/km² (Năm 2020: 1.248 người/km²).

1.5.2. Thực trạng kế hoạch hoá gia đình

Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên thấp hơn so với toàn quốc nhưng có xu hướng tăng nhẹ trong những năm gần đây. Năm 2025 tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên đạt 23% (thấp hơn 0,5% so với cùng kỳ 2024). Tỷ số giới tính khi sinh đạt 118,2 bé trai/100 bé gái (thấp hơn so với cùng kỳ 119,7). Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai đạt trên 75% kế hoạch năm giao.

Công tác nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc người cao tuổi và vị thành niên mặc dù đã bước đầu được quan tâm song còn chưa được đầu tư đúng mức. Tỷ lệ tai biến sản khoa, tử vong trẻ em các độ tuổi thấp. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm dần qua các năm.

1.6. Nhân lực ngành y tế

Đội ngũ nhân lực y tế tỉnh Hưng Yên đã được tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn. Phát triển nguồn nhân lực được coi trọng đúng mức, là yếu tố quan trọng phát triển kỹ thuật trong ngành.

Đến năm 2025 số bác sĩ/1 vạn dân tăng từ 10,1 bác sĩ năm 2020 lên 12,1 bác sĩ năm 2025. Số giường bệnh/1 vạn dân tăng từ 36,9 giường năm 2020 lên 39,8 giường năm 2025.

Đối với nhân lực 104 Trạm Y tế xã, phường và các điểm y tế (sau khi thực hiện theo Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 và Kết luận số 03-KL/TU ngày 20/11/2025 của Tỉnh Ủy Hưng Yên): Hiện có 2.922 nhân lực, trong đó có 487 bác sĩ (bác sĩ y học dự phòng: 69 người), có 101/104 Trạm Y tế xã, phường có từ 2 bác sĩ trở lên (bao gồm cả bác sĩ y học dự phòng), dược sĩ: 392 người, điều dưỡng: 620 người, hộ sinh: 318 người (100% Trạm Y tế xã phường có nữ hộ sinh). Theo chức năng nhiệm vụ tại Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 thì nhân lực Trạm Y tế thiếu chủ yếu là kỹ thuật y, công nghệ thực phẩm, kế toán, nhân viên hành chính.

Hàng năm, Sở Y tế có cử các cán bộ, bác sĩ đi học bồi dưỡng kiến thức, trao đổi chuyên môn. Ngoài số cán bộ được cử đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, Sở Y tế còn cử hàng trăm cán bộ khác đi đào tạo: Lý luận chính trị, quản lý Nhà nước, tin học, và ngoại ngữ.

Tổng nhân lực y tế công lập tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2025

(Chi tiết tại bảng 2)

1.7. Về bà mẹ và trẻ em

Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thời gian qua tiếp tục được quan tâm, triển khai, ngành y tế đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ em, đảm bảo quyền được chăm sóc sức khỏe toàn diện cho phụ nữ và trẻ em.

Chăm sóc bà mẹ - trẻ em: Triển khai chương trình “làm mẹ an toàn”, quản lý thai nghén đạt tỷ lệ khám thai 3–4 lần trong thai kỳ rất cao; tỷ lệ sinh đẻ tại cơ sở y tế đạt 100%; tỷ lệ tử vong mẹ, trẻ thấp. Hàng năm tổ chức khám phụ khoa, sàng lọc ung thư cổ tử cung cho khoảng 1.500 phụ nữ trong độ tuổi 21-65 tuổi.

Dinh dưỡng trẻ em: Các chiến dịch Vitamin A, cân đo trẻ em, giáo dục dinh dưỡng, nuôi con bằng sữa mẹ được duy trì; tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm hàng năm.

Các hoạt động triển khai chương trình, hỗ trợ; cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đã được triển khai theo đúng kế hoạch đề ra, tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà, áo ấm, trao học bổng cho trên 2,7 ngàn lượt trẻ em với kinh phí khoảng 1,7 tỷ đồng. Triển khai Chương trình Quỹ sữa vươn cao Việt Nam năm 2025 hỗ trợ cho 1.026 trẻ em với tổng kinh phí trên 339 triệu đồng. Tặng quà,

học bổng cho 610 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập với kinh phí 1.430 triệu đồng.

1.8. Về bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội

Hiện trên địa bàn tỉnh có 2 Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp gồm:

+ **Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Hưng Yên** được thành lập tháng 7/2025 trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Điều dưỡng tâm thần kinh và Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội có chức năng tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội và thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật. Về cơ cấu nguồn nhân lực Trung tâm có 01 Giám đốc; 01 Phó Giám đốc; 08 khoa, phòng; Tổng số cán bộ viên chức người lao động là 109 người.

+ **Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Thái Bình** là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên, có chức năng nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người có công (bị mắc bệnh tâm thần), các đối tượng bảo trợ xã hội và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

Về cơ cấu nguồn nhân lực Trung tâm hiện có: 01 Giám đốc; 02 Phó Giám đốc; 05 phòng; Tổng số cán bộ viên chức người lao động là 95 người.

- Năm 2025 tỉnh tăng cường các hoạt động tuyên truyền cảnh báo đến toàn xã hội, đặc biệt là giới trẻ về tác hại của tệ nạn mại dâm, nạn mua bán người; lồng ghép tuyên truyền công tác phòng, chống mại dâm với phòng, chống HIV/AIDS, mua bán người. Giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến đã tiếp nhận và xử lý 9.517 hồ sơ theo quy định; Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng đúng, đủ, kịp thời cho trên 175.179 đối tượng với số tiền đã chi 6 tháng đầu năm trên 690 tỷ đồng.

1.9. Lĩnh vực an toàn thực phẩm

Công tác an toàn thực phẩm (ATTP) tại Hưng Yên được tăng cường thông qua việc đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật và công khai các cơ sở vi phạm. Tỉnh chú trọng kiểm tra theo kế hoạch, đặc biệt trong các dịp lễ, Tết, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Năm 2025, thành lập 64 đoàn kiểm tra, giám sát, lấy mẫu, hậu kiểm việc chấp hành quy định pháp luật về ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh, kết quả: Tổng số cơ sở được kiểm tra: 283 cơ sở, trong đó: 68 cơ sở sản xuất thực phẩm; 73 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 132 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, xử phạt vi phạm hành chính đối với 38 cơ sở; chuyển 01 hồ sơ cho Công an tỉnh Hưng Yên khởi tố đối với Công ty TNHH Thực phẩm GF Việt Nam; chuyển 12 hồ sơ sản phẩm thực phẩm nghi hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng sử dụng chất cấm dùng trong thực phẩm đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Công an tỉnh Khánh Hòa, phòng cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Hưng Yên để xử lý theo quy

định. Số vụ ngộ độc thực phẩm năm 2025 giảm từ 2 vụ xuống còn 1 vụ so với năm 2020.

II. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, HẠ TẦNG Y TẾ

1. Về khám chữa bệnh, phục hồi chức năng

1.1. Cơ sở y tế, bệnh viện

Trong những năm qua, đặc biệt sau khi hoàn thành việc sáp nhập tỉnh Thái Bình vào tỉnh Hưng Yên, hạ tầng y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã có nhiều thay đổi, mạng lưới y tế được củng cố, mở rộng và nâng cấp. Mô hình tổ chức của các đơn vị được sắp xếp lại theo tinh thần mô hình 2 cấp.

1.1.1. Các cơ sở y tế công lập

a. Y tế tuyến tỉnh

- 01 Bệnh viện đa khoa thuộc Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- 01 Bệnh viện đa khoa thuộc Trường cao đẳng Y tế Thái Bình.

- Bệnh viện tuyến tỉnh gồm có 17 bệnh viện, trong đó:

+ Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh có 03 bệnh viện gồm: Bệnh viện đa khoa Thái Bình; Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên; Bệnh viện đa khoa Phố Nối.

+ Bệnh viện chuyên khoa có 14 bệnh viện gồm: Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Phổi Thái Bình; Bệnh viện Phổi Hưng Yên; Bệnh viện Mắt Thái Bình; Bệnh viện Mắt Hưng Yên; Bệnh viện Nhi Thái Bình; Bệnh viện Da liễu; Bệnh viện Phụ sản Thái Bình; Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Thái Bình; Bệnh viện y học cổ truyền Thái Bình; Bệnh viện y dược cổ truyền Hưng Yên; Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hưng Yên; Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên; Bệnh viện Bệnh nhiệt đới.

Danh sách bệnh viện công lập tuyến tỉnh và quy mô giường bệnh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025 (Chi tiết tại bảng 3, bảng 4)

- Trung tâm chuyên ngành có 04 trung tâm: Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Danh sách các Trung tâm y tế tuyến tỉnh và địa chỉ trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025 (Chi tiết tại bảng 5)

b. Bệnh viện đa khoa khu vực

Bệnh viện đa khoa khu vực gồm 20 bệnh viện: Bệnh viện đa khoa Trần Lãm; Bệnh viện đa khoa Thái Ninh; Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân; Bệnh viện đa khoa Phụ Dục; Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải; Bệnh viện đa khoa Hưng Hà Thái Bình; Bệnh viện đa khoa Thái Thụy; Bệnh viện đa khoa Tiền Hải; Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ; Bệnh viện đa khoa Vũ Thư; Bệnh viện đa khoa Kiến Xương; Bệnh viện đa khoa Đông Hưng; Bệnh viện đa khoa Ân Thi; Bệnh viện đa khoa Khoái Châu; Bệnh viện đa khoa Kim Động; Bệnh viện đa khoa Phù Cừ; Bệnh viện đa khoa Tiên Lữ; Bệnh viện đa khoa Văn Giang; Bệnh viện đa khoa Văn Lâm; Bệnh viện đa khoa Yên Mỹ.

Danh sách Bệnh viện đa khoa khu vực và quy mô giường bệnh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025 (Chi tiết tại bảng 6)

c. Trạm Y tế xã, phường: 104 Trạm Y tế xã, phường và các điểm y tế. Theo Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 và Thông tư số 53/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế, các Trạm Y tế xã, phường là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã, thực hiện 22 nhiệm vụ, quyền hạn.

1.1.2. Các cơ sở y tế ngoài công lập

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 16 Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa với tổng quy mô 1.485 giường bệnh (*Chi tiết tại bảng 7*); cùng với đó là 56 phòng khám đa khoa, 1.350 phòng khám chuyên khoa; 12 Công ty sản xuất Dược, 37 công ty sản xuất mỹ phẩm; 190 doanh nghiệp sản xuất thiết bị y tế; 788 nhà thuốc tư nhân, 3.005 quầy thuốc và 11 cơ sở bán lẻ dược liệu.

1.2. Cơ sở vật chất

- Trong những năm gần đây, hệ thống cơ sở vật chất y tế công lập trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới cơ sở y tế được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Các cơ sở y tế công lập được đầu tư thiết bị hiện đại phục vụ công tác khám, chữa bệnh, chẩn đoán và điều trị chuyên sâu. Một số cơ sở y tế khu vực được hình thành trên cơ sở sắp xếp lại mạng lưới cũ, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cho người dân ở các địa bàn xa trung tâm.

- Các Bệnh viện đa khoa đã được trang bị các máy móc thiết yếu như: Hệ thống CT Scanner <64 lát cắt/vòng quay, máy siêu âm màu, máy đo độ loãng xương, hệ thống Xquang kỹ thuật số, máy gây mê kèm thở, máy thận nhân tạo, máy theo dõi người bệnh, máy điện tim, máy mổ phaco; Bệnh viện đa khoa Thái Bình được đầu tư mua hệ thống chụp cắt lớp vi tính 512 dãy.

- Trạm Y tế xã, phường: Còn thiếu thiết bị chuyên dùng lĩnh vực y tế nên việc tổ chức khám chữa bệnh bảo hiểm y tế chưa thực sự hiệu quả, chưa triển khai được nhiều dịch vụ kỹ thuật. Đến nay các Trạm Y tế xã, phường đều chưa đạt 100% danh mục máy móc, thiết bị của Trạm Y tế vùng 1, vùng 2, vùng 3 theo Quyết định số 4389/QĐ-BYT ngày 11/7/2018 của Bộ Y tế phê duyệt danh mục thiết bị cho Trạm Y tế xã mô hình điểm phục vụ triển khai Đề án y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của Trạm Y tế tuyến xã.

2. Mạng lưới cung ứng thuốc

Mạng lưới cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn cơ bản đã bao phủ toàn tỉnh, đảm bảo người dân tiếp cận thuốc kịp thời và đầy đủ. Cụ thể trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hiện có:

+ 12 doanh nghiệp có chức năng sản xuất thuốc; 37 doanh nghiệp sản xuất mỹ phẩm; 190 doanh nghiệp sản xuất thiết bị y tế.

+ 150 doanh nghiệp kinh doanh thuốc tất cả đều được cấp Giấy chứng nhận Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP). Về cơ sở bán lẻ thuốc, có 788 nhà thuốc và 3.005 quầy thuốc đã được Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận Thực hành tốt bán lẻ thuốc (GPP). Ngoài ra, mạng lưới cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu hiện có 11 cơ sở.

- Hoạt động nuôi trồng, thu hái dược liệu: 100% Trạm Y tế xã đã triển khai trồng thuốc Nam, xây dựng vườn thuốc mẫu tại trạm với số lượng từ 40 đến 60 loại cây theo quy định của Bộ Y tế. Các loại dược liệu chủ yếu được trồng và thu hái gồm: kim ngân, bồ công anh, cây gai, mạch môn, đinh lăng, trinh nữ hoàng cung, ích mẫu, hồng hoa, xạ đen.

- Hoạt động bảo quản thuốc: Các kho thuốc tại các đơn vị cơ bản đã đáp ứng các điều kiện bảo quản theo nguyên tắc tiêu chuẩn Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), với đầy đủ trang bị gồm máy điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh và thiết bị theo dõi nhiệt độ, độ ẩm; 61 Trạm Y tế xã phường có tủ thuốc đảm bảo thực hành tốt về bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

3. Y tế dự phòng

Tỉnh Hưng Yên luôn coi trọng công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn. Ngành Y tế đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, đặc biệt là Sở Giáo dục và Đào tạo, trong việc triển khai cơ chế phối hợp liên ngành nhằm bảo đảm công tác y tế học đường, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học sinh, sinh viên. Hệ thống hạ tầng y tế cộng đồng, y tế dự phòng gồm:

- Tuyên tỉnh: Có 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Bình cũ và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên cũ.

+ Trụ sở làm việc:

* Trụ sở chính: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.

* Cơ sở 2: Số 113, Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

* Cơ sở 3: Đường Trần Quang Khải, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên.

+ Năng lực xét nghiệm của đơn vị dự phòng được nâng cao: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) đã được cấp chứng chỉ ISO 15189:2022 và ISO/IEC 17025:2017. Trung tâm hiện có 7 phòng an toàn sinh học cấp II và 3 phòng an toàn sinh học cấp I có thể thực hiện chẩn đoán được đa số các mầm bệnh truyền nhiễm nhóm A, B và xét nghiệm được nhiều chỉ số phục vụ chẩn đoán bệnh không lây nhiễm.

- Trạm Y tế xã, phường: 104 Trạm Y tế xã, phường triển khai công tác y tế dự phòng.

Trong những năm qua, hệ thống y tế dự phòng tỉnh Hưng Yên từ tỉnh đến cơ sở đã từng bước được củng cố, kiện toàn và phát huy hiệu quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Các đơn vị y tế dự phòng luôn chủ

động xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; đồng thời linh hoạt thực hiện nhiều hình thức tuyên truyền và kịp thời ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

4. Lĩnh vực Kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm

Trên địa bàn tỉnh có 01 trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, có trụ sở tại: Số 454 Nguyễn Văn Linh, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên. Diện tích khuôn viên đất: 2.633 m²; Diện tích sàn xây dựng: 876m² (gồm 3 tầng, 01 tum, mỗi tầng khoảng 200m²), với tổng số 12 phòng (gồm 10 phòng làm việc, phòng chức năng; 01 kho hóa chất; 01 hội trường). Năm xây dựng: 1999, 2000.

Do xây dựng đã quá lâu, thiết kế lạc hậu không đáp ứng được tiêu chuẩn của các phòng thí nghiệm hiện đại hiện nay. Diện tích trụ sở làm việc và phòng chức năng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Cơ sở hạ tầng đã xuống cấp nghiêm trọng, hệ thống cửa hư hại, tường bị thấm mốc, bong tróc.

5. Lĩnh vực giám định y khoa, giám định pháp y

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa, trong đó:

- Cơ sở chính được đặt ở 45 Đường Tôn Thất Tùng, Phường phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

- Cơ sở 2 được đặt ở số 284, đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

Cơ sở vật chất hiện tại chưa được quy hoạch tổng thể, trụ sở chính tầng 3 chưa triển khai xây dựng giai đoạn 2, 02 tòa nhà làm việc và các công trình phụ trợ chưa liên thông với nhau, không thuận tiện cho quá trình đi lại, phục vụ hành chính - chuyên môn.

6. Về lĩnh vực bảo trợ xã hội

- Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp Thái Bình có 02 cơ sở:

- + Cơ sở 1: tại xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên có tổng diện tích đất là: 21.446,7 m²; Cơ sở vật chất hiện có gồm: Khu hành chính (03 khối nhà): Nhà hành chính 02 tầng với diện tích sử dụng: 724 m²; Nhà đa năng 03 tầng, diện tích sử dụng: 1.333,5 m²; Nhà bảo vệ, 01 tầng, diện tích sử dụng: 32 m². Cơ sở vật chất của Trung tâm tại cơ sở 1 được đầu tư nâng cấp đồng bộ, hiện đại; đảm bảo tiếp nhận quản lý 200 đến 250 đối tượng.

- + Cơ sở 2: Xã Bắc Đông Quan, tỉnh Hưng Yên có tổng diện tích đất là: 16.712,8 m², cơ sở vật chất tại cơ sở 2, hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng.

- Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp Hưng Yên gồm 02 cơ sở:

- + Cơ sở 1: Trụ sở đặt tại xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên với tổng diện tích đất sử dụng 90.540 m². gồm các khu nhà sau: 01 Nhà hành chính quản trị;

01 Nhà bảo vệ; 01 Khoa dinh dưỡng; 04 Khoa điều trị bệnh nhân tâm thần Nữ; 04 Khoa điều trị bệnh nhân tâm thần Nam thuyên giảm; 04 Khoa điều trị bệnh nhân tâm thần Nam nặng; 03 Khoa điều trị người có công; 01 Nhà thờ; 01 Nhà kỹ thuật tổng hợp; 01 Nhà thăm gặp đối tượng; 01 Nhà phục hồi chức năng. Ngoài ra, còn có các hạng mục phụ trợ nhà để xe...khuôn viên cây xanh, ao nuôi cá, đường đi bộ và sân chơi giải trí của trung tâm.

+ Cơ sở 2: Trụ sở đặt tại: xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên với tổng diện tích đất sử dụng là 13.192 m² được xây dựng, quy hoạch các hạng mục từ năm 1979, gồm các khu nhà sau: Khu nhà điều hành với diện tích là: 484 m²; Nhà hội trường là: 154 m²; Khu nhà nuôi dưỡng các nhóm đối tượng là: 1.268,5 m²; Khu nhà ăn, nhà bếp: 144 m²; Nhà kho, ga ô tô: 60,4 m²; Nhà bảo vệ: 21,7 m²; Khu nhà ở cho cán bộ: 250,8 m²; Nhà tâm linh: 55 m². Ngoài ra, còn có khuôn viên cây xanh, ao nuôi cá, đường đi bộ và sân chơi giải trí của trung tâm. Các công trình có được tu sửa, tuy nhiên cho đến nay nhiều công trình đã xuống cấp trầm trọng, gây mất an toàn, mất vệ sinh cho các đối tượng và cán bộ công nhân viên.

7. Về bà mẹ và trẻ em

Làng trẻ em SOS Thái Bình được thành lập theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ), diện tích sử dụng là 25.000 m² là cơ sở nuôi dạy và giáo dục những trẻ em mồ côi cha mẹ, trẻ bị bỏ rơi không nơi nương tựa, đem lại một mái ấm lâu dài thay thế gia đình đã mất của trẻ. Công trình xây dựng gồm có 14 nhà gia đình diện tích 135 m²/nhà; 01 văn phòng làm việc với 1 phòng họp, 1 phòng khách; 1 phòng máy tính, 1 thư viện, 05 phòng làm việc; 01 Nhà khách, 01 nhà cộng đồng.

+ Trường Mầm non SOS: Hoạt động theo Quy chế Trường mầm non tư thục. Trường thực hiện nhiệm vụ tổ chức dạy học cho trẻ trong độ tuổi mầm non theo chương trình giáo dục mầm non của ngành giáo dục đào tạo. Trường có công suất thiết kế 6 lớp học, công suất tối đa 180-200 học sinh mầm non.

+ Về nguồn nhân lực: tổng số có 37 cán bộ lao động, gồm: Ban Giám đốc và Hiệu trưởng Mầm non: 04 người; Bà mẹ, Bà dì SOS: 07 người; Nhân viên: 16 người; Giáo viên: 10 người.

8. Công nghệ thông tin và y tế số

Trong những năm qua các đơn vị trong ngành đặc biệt là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã chủ động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý bệnh viện, bước đầu đã đạt được kết quả nhất định

+ 100% bệnh viện trên địa bàn tỉnh đã công bố đủ điều kiện và triển khai bệnh án điện tử, tuy nhiên để hoàn thiện tiến tới bỏ bệnh án giấy thì còn nhiều khó khăn.

+ 100% các bệnh viện trong tỉnh đã triển khai phần mềm HIS, LIS, các bệnh viện đã thực hiện số hóa hồ sơ bệnh án đưa vào phần mềm HIS và in ra bệnh án giấy để lưu trữ; 100% các phần mềm đang được triển khai tại các bệnh viện đáp ứng được việc triển khai bệnh án điện tử hướng tới bỏ giấy hoàn toàn.

+ Một số đơn vị đã triển khai hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh PACS và mini PACS... Đến nay, các Bệnh viện đa khoa khu vực: 94,4% sử dụng phần mềm kế toán, 72,2% sử dụng phần mềm xếp hàng gọi bệnh nhân; 94,4% sử dụng phần mềm hóa đơn điện tử; 72,2% sử dụng phần mềm kê khai tài sản; 44,4% sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc; 83,3% sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ, quản lý cán bộ; 100% Bệnh viện đa khoa đã triển khai thực hiện mô hình. “Khám chữa bệnh sử dụng QRcode thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử và VneID”; 100% các phần mềm triển khai trong tỉnh đều kết nối với đơn thuốc điện tử, cổng Dược Quốc gia.

9. Quản lý môi trường y tế: Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát, lấy mẫu nước tại các nhà máy nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện xét nghiệm ngoại kiểm chất lượng nước; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh hằng năm. 100% cơ sở cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh được kiểm tra giám sát chất lượng nước. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt 98,2% (chỉ tiêu 99%). Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 93,5% (chỉ tiêu 95%).

Hiện tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đều thực hiện phân loại, thu gom, quản lý và xử lý chất thải y tế theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Đối với thu gom xử lý nước thải y tế: Hiện tại y tế công lập tỉnh Hưng Yên có 41 cơ sở, trong đó có 30 đơn vị có hệ thống xử lý nước thải và đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép về môi trường; còn 11 đơn vị chưa có hệ thống hoặc có hệ thống xử lý nước thải nhưng đã xuống cấp không đạt quy chuẩn nước thải đầu ra, ô nhiễm môi trường nên chưa có Giấy phép về môi trường, cụ thể: Bệnh viện đa khoa Phù Cừ; Bệnh viện đa khoa Yên Mỹ; Trung tâm pháp y và giám định y khoa; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (cơ sở 1); Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình (cơ sở 2); Bệnh viện đa khoa Khoái Châu; Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hưng Yên; Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải; Bệnh viện đa khoa Kiến Xương; Bệnh viện đa khoa Phụ Dục.

- Đối với chất thải rắn y tế: Các cơ sở y tế thực hiện xử lý rác thải y tế nguy hại theo hình thức tập trung và theo Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Ký hợp đồng với các đơn vị có đủ điều kiện về vận chuyển và xử lý rác thải y tế tập trung (như: Công ty URENCO 11, Công ty CP môi trường và công trình đô thị Hưng Yên ...), việc phân loại, thu gom, quản lý rác thải y tế tại các cơ sở y tế đảm bảo theo quy định, không ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh và người dân xung quanh.

- Đối với rác thải tái chế: Các cơ sở y tế ký hợp đồng bàn giao chất thải tái chế với các công ty xử lý rác thải tái chế.

- Đối với 104 Trạm Y tế xã, phường hiện nay chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định.

III. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, mạng lưới các cơ sở y tế trong tỉnh hoạt động đa chức năng, bao gồm: Hoạt động dự phòng và hoạt động khám chữa bệnh đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, mạng lưới y tế cơ sở ngày càng được hoàn thiện, theo hướng hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo tính kết nối, cụ thể là:

- Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành kịp thời, đáp ứng được theo yêu cầu thực tế tại từng địa phương và phạm vi toàn tỉnh giúp cho các hoạt động chuyên môn y tế được triển khai thống nhất, thực hiện theo hướng chuyên sâu, tập trung, không chồng chéo về chức năng nhiệm vụ.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được quan tâm chỉ đạo toàn diện và đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống y tế công lập từng bước được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm sự liên thông từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Mạng lưới y tế cơ sở được đầu tư nâng cấp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Các chỉ tiêu y tế đều có sự chuyển biến tích cực, số bác sĩ/1 vạn dân đạt 12,1 bác sĩ, số giường bệnh/1 vạn dân tăng đạt 39,8 giường, tỷ lệ Trạm Y tế có bác sĩ, có nữ hộ sinh đạt 100%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.

- Công tác quản lý, cung ứng, sử dụng thuốc và thiết bị y tế đã cơ bản đáp ứng yêu cầu thuốc thiết yếu cho người dân ở cộng đồng.

- Y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn; cơ sở vật chất, thiết bị y tế thiết yếu tiếp tục được đầu tư mua sắm, công tác đào tạo nâng cao chất lượng nhân viên y tế cơ sở được quan tâm nhằm đáp ứng cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Đến năm 2025, cơ bản các Trạm Y tế xã, phường đã đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế đến năm 2030.

Nhiều dịch bệnh nguy hiểm đã được khống chế, đẩy lùi; các dịch vụ y tế ngày càng đa dạng, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên rõ rệt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện làm việc tại các cơ sở y tế được cải thiện đáng kể; công tác cung ứng thuốc, vật tư và thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác khám, chữa bệnh và dự phòng.

2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hệ thống y tế của tỉnh Hưng Yên sau sáp nhập vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế và đối mặt với nhiều thách thức trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Những tác động từ biến đổi môi trường - khí hậu, sự thay đổi và phát triển về đời sống kinh tế - xã hội của người dân dẫn đến sự gia tăng gánh nặng bệnh tật cũng như nhu cầu chăm

sức khỏe ngày càng đa dạng. Nhiều vấn đề về sức khỏe người dân còn tồn tại, tiếp tục phải giải quyết trong giai đoạn tới như gánh nặng bệnh tật kép “Bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây” đảm bảo tỷ số giới tính khi sinh, an toàn vệ sinh thực phẩm, sức khỏe môi trường cũng như phát triển thể lực - tâm vóc của người dân, xu hướng gia tăng thừa cân - béo phì ở trẻ em lứa tuổi học đường cùng với một số bệnh mãn tính không lây, liên quan đến chế độ dinh dưỡng, vận động thể lực. Nhiều hành vi thói quen ảnh hưởng xấu đến sức khỏe chưa được khắc phục căn bản như sử dụng thuốc lá, lạm dụng rượu bia... Bên cạnh đó, có thêm những vấn đề sức khỏe mới phát sinh như già hóa dân số, tổng tỷ suất sinh thấp, bạo hành và xâm hại trẻ em, các dịch bệnh nguy hiểm mới nổi thường xuyên xuất hiện.

Các bệnh viện tuyến tỉnh vẫn trong tình trạng quá tải do nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng, trong khi mô hình bệnh tật có nhiều thay đổi, xuất hiện nhiều bệnh lý mới, diễn biến phức tạp.

Năng lực chuyên môn và khả năng đáp ứng của các cơ sở y tế tuyến dưới còn hạn chế, chưa chia sẻ được áp lực với tuyến trên. Tỷ lệ người bệnh chuyển tuyến vẫn còn ở mức cao, công suất sử dụng giường bệnh chưa ổn định, chất lượng điều trị còn hạn chế; thực hiện kỹ thuật theo phân tuyến ở mức trung bình: 72% kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến, thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu phẫu thuật, hồi sức cấp cứu... ở các Bệnh viện đa khoa cấp cơ bản còn hạn chế.

Tình trạng thiếu bác sĩ, đặc biệt là bác sĩ chuyên khoa sâu, vẫn xảy ra ở hầu hết các tuyến. Nhiều trung tâm y tế cơ sở gặp khó khăn trong tuyển dụng và duy trì đội ngũ bác sĩ có trình độ cao; cơ cấu nhân lực y tế, nhất là tại tuyến y tế cơ sở, còn chưa hợp lý. Thu nhập, đời sống cán bộ y tế thấp, khó khăn. Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường có bác sĩ hiện nay đạt 97%, nhân lực của Trạm Y tế xã còn thiếu nhiều đặc biệt là tình trạng thiếu hụt bác sĩ.

Cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế toàn mạng lưới y tế cơ sở còn thiếu, sau nhiều năm sử dụng đã xuống cấp, hư hỏng nhiều; không đủ số phòng, diện tích đất chưa đảm bảo so với quy chuẩn hiện hành, chất lượng không đồng bộ và khả năng đầu tư còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được so với yêu cầu. Cơ chế phối hợp hoạt động chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm Y tế.

Chưa có bệnh viện tư nhân quy mô lớn, đặc biệt là bệnh viện tư nhân đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu của người dân về dịch vụ y tế chất lượng cao.

Công tác thông tin, giáo dục truyền thông chưa thật sự hiệu quả. Gánh nặng xã hội và gánh nặng kinh tế do bệnh tật còn chưa được các cấp, các ngành nhận thức đầy đủ. Thông tin, giáo dục, truyền thông còn chung chung, chưa hiệu quả. Ý thức chấp hành pháp luật về phòng chống tác hại thuốc lá, phòng chống tác hại rượu bia của người dân còn chưa cao. Nhận thức của một bộ phận cộng đồng về nâng cao sức khỏe, phòng chống yếu tố nguy cơ còn chưa đầy đủ; những hiểu biết về tự theo dõi phát hiện sớm bệnh, chăm sóc, theo dõi và tuân thủ điều trị trong nhân dân còn hạn chế.

Sự phối hợp đa ngành trong kiểm soát các yếu tố nguy cơ bệnh tật, các chính sách kiểm soát yếu tố nguy cơ chưa đồng bộ, toàn diện và việc tuân thủ chưa tốt (thiếu chính sách tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho tăng cường hoạt động thể lực, thể thao quần chúng; chính sách khuyến khích các thực phẩm có lợi cho sức khỏe, hạn chế các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe...).

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Cơ cấu bệnh tật thay đổi, các bệnh không lây nhiễm như đái tháo đường, tăng huyết áp, tim mạch, ung thư, béo phì, bệnh liên quan đến môi trường sống, môi trường lao động gia tăng; tình trạng ngộ độc thực phẩm, ô nhiễm môi trường, nước và chất lượng nước sạch sinh hoạt, thiên tai có diễn biến bất thường, biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng con người; bệnh dịch mới nổi đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống xã hội của nhân dân.

+ Một số chế độ, chính sách, quy định của pháp luật chưa đồng bộ, chưa kịp thời, chưa sát với thực tế. Nhu cầu đầu tư cho ngành Y tế là rất lớn, nhiều phát sinh trong quá trình hoạt động, ảnh hưởng lớn đến các bệnh viện hoạt động tự chủ chi thường xuyên, trong khi nguồn lực của tỉnh có hạn.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nhiều quy định pháp luật về chuyên môn lĩnh vực y tế trong đó có y tế cơ sở còn thiếu, chồng chéo hoặc chưa phù hợp với yêu cầu thực tế; nhận thức về vai trò, vị trí công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nơi, có lúc chưa đầy đủ, sâu sắc.

+ Công tác phối hợp tham gia của một số ngành, đoàn thể còn mang tính hình thức; quan điểm của một số lãnh đạo quản lý các đơn vị còn chưa mang tính đồng bộ, tổng thể, dài hạn khi việc đầu tư cơ sở hạ tầng chưa tương xứng với hiện trạng của trang thiết bị, điều kiện phục vụ người bệnh, nhân viên y tế.

+ Năng lực hoạt động của nhiều đơn vị y tế cơ sở còn yếu, chậm thay đổi để phát triển, nguồn lực đầu tư còn khó khăn.

+ Các đơn vị khám bệnh, chữa bệnh (các bệnh viện) được giao tự chủ tài chính từ nhiều năm nhưng giá thu viện phí hiện nay mới thực hiện 2/4 yếu tố cấu thành. Các đơn vị chưa được giao quyền tự chủ trong việc tuyển dụng cán bộ có chất lượng cao; việc đấu thầu mua sắm khó khăn.

+ Một số bệnh viện khu vực chưa có phòng vật tư thiết bị y tế, cán bộ kỹ thuật về thiết bị thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu, năng lực xây dựng hồ sơ mua sắm, thực hiện quy trình đấu thầu chưa cao, năng lực của cán bộ kỹ thuật thiết bị y tế chưa đáp ứng kịp những đổi mới về kỹ thuật và công nghệ, chất lượng đào tạo, bố trí sử dụng nhân lực chuyên sâu về kỹ thuật thiết bị y tế còn thấp so với yêu cầu.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế ở các đơn vị chưa đồng đều, đồng bộ. Mạng lưới các cơ sở y tế được đầu tư sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến hỗ trợ hoạt động quản lý, chuyên môn còn hạn chế. Hệ thống cơ

sở hạ tầng, tổ chức, nhân lực về công nghệ thông tin chưa được quan tâm đầu tư từ nhiều năm khiến việc triển khai chuyển đổi số lĩnh vực y tế còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử còn thấp.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ TỈNH HUNG YÊN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ ĐẾN NĂM 2030

1. Quan điểm

Phát triển mạng lưới y tế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; gắn với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên và mối tương quan vùng kinh tế trọng điểm đảm bảo được yêu cầu về số lượng, chất lượng, quy mô phát triển trước mắt và lâu dài. Từng bước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa khám chữa bệnh với y tế dự phòng, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại, giữa chăm sóc sức khỏe ban đầu và chăm sóc sức khỏe chuyên sâu, kỹ thuật cao, giữa y tế quân y và dân y. Đảm bảo người dân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Hiện đại hóa ngành y tế, xây dựng bệnh viện thông minh, tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ trong khám, điều trị, hội chẩn y khoa từ xa.

Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên đảm bảo tính kế thừa và phát triển mạng lưới hiện có, duy trì cân đối, đồng bộ, hiệu quả giữa các tuyến trong tỉnh. Hệ thống y tế toàn diện, công bằng, liên tục, sẵn sàng ứng phó dịch bệnh, thảm họa. Phát triển đồng bộ y tế công lập và ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò chủ đạo; đồng thời khuyến khích, ưu đãi các thành phần kinh tế đầu tư cơ sở y tế ngoài công lập phù hợp định hướng ngành. Nhà nước chỉ đầu tư lĩnh vực quan trọng, cấp bách đối với các lĩnh vực y tế ngoài công lập không tham gia. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động; bảo đảm liên kết giữa các cấp chuyên môn (**Cấp ban đầu- Cấp cơ bản- Cấp chuyên sâu**) và huy động đa dạng nguồn lực đầu tư cho phát triển bền vững.

Hệ thống y tế tỉnh được hoàn thiện, hiện đại, phù hợp với từng vùng; mạng lưới y tế được củng cố vững chắc; y tế chuyên sâu phát triển ngang tầm với các thành phố lớn. Kết hợp hài hòa giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt; mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản có chất lượng cao.

Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế, người lao động ngành y tế tỉnh Hưng Yên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, cơ cấu phù hợp, có trình độ chuyên môn giỏi, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tận tình phục vụ, chăm sóc, điều trị người bệnh. Bổ sung, sửa đổi chính sách đào tạo, thu hút, đãi ngộ đủ hấp dẫn để giữ chân và thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.

Phát triển dịch vụ chăm sóc sức khỏe gắn với dịch vụ nghỉ dưỡng, dưỡng lão, du lịch, chăm sóc sức khỏe thành ngành dịch vụ quan trọng, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, gắn với công nghiệp sản xuất vật tư y tế, dược phẩm, trở thành trung tâm y tế của vùng đồng bằng sông Hồng.

Phát triển cấp cứu ngoại viện theo hướng chuyên nghiệp, phối hợp liên ngành (y tế, công an, cứu hộ), tập trung nguồn lực xây dựng trung tâm cấp cứu ngoại viện.

Phát triển hạ tầng y tế một cách hợp lý về quy mô, mạng lưới đi đôi với không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động. Quy mô, mạng lưới các cơ sở y tế phát triển theo hướng tăng cường xã hội hóa, thu hút sự tham gia của hệ thống y tế ngoài công lập; y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

Tập trung phát triển tuyến y tế cơ sở để phát huy vai trò chủ đạo trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, giảm tải cho y tế tuyến trên; Đồng thời nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng hiện đại, chất lượng, đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng; nâng cao các chỉ số đánh giá chất lượng cuộc sống tốt cho người dân; giảm thiểu tỷ lệ bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ người dân.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; tập trung nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ tuyến trung ương, tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật và bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

Xây dựng một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đảm nhận chức năng vùng; hình thành, phát triển các bệnh viện chuyên sâu, hiện đại; phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Tổ chức lại, củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống y tế xã, y tế dự phòng đủ mạnh để mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng. Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số.

Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế, người lao động ngành y tế tỉnh Hưng Yên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, cơ cấu phù hợp, có trình độ chuyên môn giỏi, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tận tình phục vụ, chăm sóc, điều trị người bệnh. Bổ sung, sửa đổi chính sách đào tạo, thu hút, đãi ngộ đủ hấp dẫn để giữ chân và thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.

Nâng cao sức khỏe người dân về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống. Xây dựng hệ thống y tế phát triển đồng bộ, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế hoàn thành đạt và vượt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển nền khoa học y học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có đạo đức nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn vững vàng. Hướng tới đưa Hưng Yên trở thành trung tâm y tế chất lượng cao trong Vùng đồng bằng sông Hồng.

Phân đầu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; huy động mọi nguồn lực để tăng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo lộ trình đối với một số nhóm đối tượng chính sách. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh.

Phát triển mạng lưới, cơ sở vật chất các cơ sở y tế tỉnh Hưng Yên ngày càng hiện đại, áp dụng những công nghệ mới, thiết bị tiên tiến nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân. Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, bổ sung, thay thế thiết bị theo danh mục quy định, đồng thời tăng cường công tác bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc hiện có tại các cơ sở y tế. Tiếp tục mở rộng diện tích của một số cơ sở y tế để phù hợp với tiêu chuẩn ngành.

Tập trung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trạm Y tế cấp xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài, hiệu quả tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Khuyến khích, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước để phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao. Hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe nhân dân, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các dịch bệnh trong tương lai.

Củng cố hoạt động các cơ sở bảo trợ xã hội đảm bảo hiệu quả trong hoạt động an sinh xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030

- Duy trì ổn định giữ vững số đơn vị sự nghiệp y tế công lập hiện có, đảm bảo lộ trình tự chủ theo Kết luận số 03-KL/TU ngày 20/11/2025 của Hội nghị lần thứ 2 BCH Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức thuộc ban, sở, ngành giai đoạn 2025-2030.

- Đến năm 2030 có ít nhất 03 bệnh viện đạt phân tuyến chuyên môn kỹ thuật cấp chuyên sâu. Phát triển: Trung tâm điều trị trẻ em tâm bệnh và tự kỷ tại Bệnh viện Nhi Thái Bình; Trung tâm hỗ trợ sinh sản và sàng lọc sơ sinh hiện đại

tại Bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên, đồng thời phân đấu thành Bệnh viện chuyên khoa vùng.

- Đầu tư xây mới Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên 1500 giường là bệnh viện chuyên sâu hiện đại tại vị trí quy hoạch mới đảm bảo không gian, diện tích và đầu tư thiết bị hiện đại, thông minh đồng bộ. Hoàn thiện hạ tầng Bệnh viện đa khoa Thái Bình.

- Cải tạo nâng cấp các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo quy chuẩn thiết kế bệnh viện khu vực cả về không gian, công năng, diện tích sử dụng.

- Đầu tư, phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trở thành Trung tâm trọng điểm khu vực, có đủ năng lực đáp ứng tốt các yêu cầu chuyên môn trong phòng chống bệnh truyền nhiễm; chẩn đoán, điều trị bệnh nghề nghiệp; nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng; phòng chống bệnh không lây nhiễm và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- Thành lập Trung tâm cấp cứu 115 trực thuộc Sở Y tế. củng cố, phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trung tâm Cấp cứu và Đột quỵ của Bệnh viện đa khoa Thái Bình đủ chức năng vận chuyển, cấp cứu ngoại viện. Đảm bảo hệ thống Cấp cứu ngoại viện hiệu quả, giảm tỷ lệ tử vong và biến chứng do tai nạn, bệnh cấp cứu tại cộng đồng (giảm 20-30% đến 2030, 40-50% đến 2045), tăng niềm tin cộng đồng vào cấp cứu y tế.

- Phát triển Viện dưỡng lão hoặc Trung tâm dưỡng lão để đáp ứng nhu cầu già hóa dân số trong giai đoạn tới.

- Phát triển các bệnh viện tư nhân có khả năng cung ứng các dịch vụ chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu.

- Phát triển Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình thành Bệnh viện Lão khoa – Y học cổ truyền Hưng Yên, đồng thời hình thành và phát triển chuyên khoa lão khoa trong Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa Phố Nối và các Bệnh viện đa khoa khác để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân.

- Nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm đạt tiêu chuẩn khu vực nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về chất lượng dịch vụ y tế, thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế của các tỉnh, thành phố trong khu vực. Đầu tư xây mới tại vị trí quy hoạch phù hợp và đầu tư thiết bị chuyên ngành cho Trung tâm pháp y và giám định y khoa để đáp ứng các yêu cầu về hoạt động giám định.

- Hoàn thiện, sắp xếp ổn định, đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã đồng bộ phù hợp với nhiệm vụ và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu, đồng thời đầu tư thiết bị để đáp ứng các yêu cầu về hoạt động chuyên môn.

2.3. Chỉ tiêu đến 2030

2.3.1. Chỉ tiêu y tế

- Phần đầu đạt trên 15 bác sĩ/vạn dân tại các cơ sở y tế công lập.
- Đạt tối thiểu trên 43 giường bệnh/vạn dân, trong đó tỷ lệ giường bệnh ngoài công lập đạt 15%.
- Phần đầu đạt tối thiểu 5 dược sĩ/10.000 dân; đạt 33 điều dưỡng viên/10.000 dân, đảm bảo tỉ số từ 2 – 3 điều dưỡng, kỹ thuật viên/bác sĩ.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 99%.
- Hoàn thành xây dựng và kết nối hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân đạt 100%.
- Tuổi thọ trung bình đạt 76,8 tuổi trong đó số năm sống khỏe đạt tối thiểu 70 năm;
- Trên 90% người cao tuổi được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.
- 100% dân số được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/1 năm.
- 100% các đơn vị đảm bảo thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; trong đó, đảm bảo tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật đạt tối thiểu 85% theo đơn vị và phân tuyến kỹ thuật và một số cơ sở khám chữa bệnh triển khai thực hiện được các kỹ thuật vượt tuyến.
- 100% Bệnh viện đa khoa cấp cơ bản tham gia mạng lưới khám, chữa bệnh từ xa theo từng chuyên khoa.
- 100% các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tuyến tỉnh tham gia hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo tại cộng đồng; tham gia hoạt động phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống thiên tai, lũ lụt, thảm họa; các sự kiện văn hóa, thể thao và các hoạt động khác theo kế hoạch, chương trình do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị.
- Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hằng năm đạt tối thiểu 95% và tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế đạt tối thiểu 90% trở lên.
- 100% đơn vị y tế công lập triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử.
- 100% hệ thống thông tin y tế được đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng theo hồ sơ cấp độ an toàn thông tin được phê duyệt và đánh giá đạt yêu cầu trước khi đưa vào khai thác.
- 100% các trường học có nhân viên y tế.
- 100% các đơn vị sự nghiệp y tế công lập được bố trí kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ phát triển chuyên môn, kỹ thuật theo đúng phạm vi, quy mô hoạt động.
- Đến năm 2030, 100% cơ sở khám chữa bệnh có hệ thống xử lý và xử lý được chất thải y tế.

- Đến năm 2030, 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế.

2.3.2. Chỉ tiêu phát triển hạ tầng y tế

- Phát triển mạng lưới y tế đủ năng lực cung ứng dịch vụ y tế có chất lượng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân của một nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Phát triển các trung tâm chuyên sâu trong Bệnh viện đa khoa tỉnh, chuyên khoa tỉnh đảm nhận chức năng vùng:

- + Trung tâm Ung bướu, Trung tâm Tim mạch, Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Chỉ đạo tuyến thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên.

- + Trung tâm Hồi sức tích cực - Chống độc; Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Chỉ đạo tuyến; Trung tâm Huyết học truyền máu; Khoa Phẫu thuật thẩm mỹ; Khoa Nam học; Khoa miễn dịch dị ứng; Phòng hợp tác quốc tế thuộc Bệnh viện đa khoa Thái Bình.

- + Trung tâm hỗ trợ sinh sản và sàng lọc sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên; Trung tâm hỗ trợ và điều trị trẻ em tự kỷ tại Bệnh viện Nhi Thái Bình.

- + Phát triển Khoa Thận nhân tạo, Can thiệp tim mạch thuộc Bệnh viện đa khoa Phố Nối.

- Đầu tư nâng cấp phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp 3 cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh đảm bảo chức năng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật khu vực.

- Đầu tư hạ tầng tại khu quy hoạch vị trí mới, đồng thời đầu tư thiết bị cho Trung tâm Pháp y và giám định y khoa để đáp ứng các yêu cầu về giám định.

- Phát triển Viện dưỡng lão hoặc Trung tâm dưỡng lão đáp ứng nhu cầu chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi, phù hợp với già hóa dân số.

- Phát triển trung tâm nghiên cứu tại khu công nghiệp sản xuất dược, vắc xin, sinh phẩm và thiết bị y tế công nghệ cao nhằm tăng cường năng lực sản xuất trong nước, gia tăng giá trị xuất khẩu, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của đất nước.

II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Mục tiêu

Đầu tư mở rộng, phát triển cơ sở hạ tầng y tế đạt các tiêu chuẩn xây dựng quốc gia và tiếp cận các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Tiếp tục đầu tư mới các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa. Tập trung kinh phí, nguồn lực để thành lập mới Bệnh viện lão khoa, bệnh viện ung bướu, bệnh viện tim mạch, Bệnh viện Thận, Bệnh viện Chấn thương, chỉnh hình...

Tiếp tục nâng cấp, phát triển các cơ sở y tế tại khu trung tâm y tế tỉnh đặc biệt là phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên đảm bảo phân cấp chuyên sâu tại cơ sở mới.

Phát triển các trường đại học, viện nghiên cứu về lĩnh vực y tế có chất lượng.

Phân đầu đến năm 2050, toàn tỉnh đạt 50 - 55 giường bệnh/10.000 dân 30,0 bác sĩ, 90 điều dưỡng trên 10.000 dân.

2. Một số chỉ tiêu tầm nhìn đến năm 2050

Đầu tư mở rộng, phát triển cơ sở hạ tầng y tế đạt các tiêu chuẩn xây dựng quốc gia và tiếp cận các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Tiếp tục đầu tư mới các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa.

- Đạt tỷ lệ tối thiểu 50 giường bệnh/10.000 dân (trong đó có tối thiểu 22,0 giường bệnh tư nhân).
- Số lượng bác sĩ/10.000 dân đạt 30 người.
- Số lượng điều dưỡng /10.000 dân đạt 90 người.
- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 98%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.
- Dân số được quản lý y tế đạt 100%.

3. Phương hướng phát triển đến năm 2050

Tiếp tục đầu tư để phát triển và mở rộng quy mô của các bệnh viện cấp vùng nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng lên của người dân do sự thay đổi về mô hình bệnh tật và gia tăng dân số. Mở rộng hệ thống bệnh viện chuyên khoa tim mạch, ung bướu, sản nhi, lão khoa, truyền nhiễm, sức khỏe tâm thần. Phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu trong các Bệnh viện đa khoa cấp quốc gia và cấp vùng. Mở rộng mạng lưới bệnh viện lão khoa để đáp ứng nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi.

Nghiên cứu xây dựng Khu phức hợp y tế chuyên sâu khi có đủ điều kiện. Khu phức hợp y tế chuyên sâu được xây dựng mới, là công trình y tế đa chức năng có tính liên hoàn, được quản lý theo hướng tích hợp, kết nối và hợp tác chặt chẽ giữa các loại hình cơ sở y tế trong đào tạo – nghiên cứu – điều trị mang tính chuyên sâu. Khu phức hợp y tế này bao gồm hệ thống bệnh viện thuộc cấp chăm sóc chuyên sâu, các cơ sở khám chữa bệnh kỹ thuật cao, cơ sở y tế có hệ thống phòng xét nghiệm lớn và cao cấp, trung tâm nghiên cứu và phát triển về y tế, trung tâm thử nghiệm lâm sàng, cơ sở đào tạo y khoa chuyên sâu.

PHẦN III

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Nâng cao quản lý nhà nước về y tế

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng hệ thống chính sách về y tế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Tăng cường mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp. Tăng cường phân cấp, phân quyền tự chủ trong hoạt động đầu tư, mua sắm, tuyển dụng, đào

tạo nhân lực y tế gắn với tự chịu trách nhiệm nhằm đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động y tế kịp thời, chất lượng.

- Thực hiện tốt quản lý nhà nước về công tác y tế trên địa bàn và thống nhất quản lý đối với các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

- Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức về pháp luật, kiến thức về tâm lý xã hội, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ y tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và y đức của cán bộ y tế.

- Ban hành các chính sách đặc thù nhằm thu hút đầu tư, mở rộng liên doanh, liên kết để phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp thiết bị cho các cơ sở y tế và những chính sách ưu đãi trong bố trí quỹ đất, đào tạo, đãi ngộ, sử dụng... đối với nhân lực y tế nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

- Xây dựng chương trình đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, đặc biệt các cơ sở y tế đầu ngành trong mọi lĩnh vực y tế (khám chữa bệnh, dự phòng, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, ...) nhằm chia sẻ, trao đổi học tập kinh nghiệm; tăng cường quan hệ hợp tác y tế với các tổ chức quốc tế, các viện, các trường trong khu vực; tranh thủ mọi sự hợp tác, hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật trong các lĩnh vực đào tạo, chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao... từ các đối tác trong và ngoài nước.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của mọi người dân về lối sống, hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, dinh dưỡng không hợp lý, sức khỏe học đường, dân số - trẻ em, sức khỏe sinh sản, rèn luyện thể dục - thể thao, giúp người dân có các kiến thức cơ bản về phòng chống bệnh tật, thay đổi hành vi có lối sống lành mạnh, tự rèn luyện để giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

- Thi hành nghiêm thể chế pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch; cơ chế, chính sách đặc thù về y tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám bệnh, chữa bệnh. Mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, kịp thời hỗ trợ cho tuyến dưới; tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình bệnh viện vệ tinh, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên. Bảo đảm cho mọi người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần.

2. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực y tế, song song với sử dụng và quản lý có hiệu quả nguồn nhân lực y tế. Tăng cường đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

Đảm bảo đến năm 2030 số bác sĩ/10.000 dân tại y tế công lập đạt trên 15 bác sĩ. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên y tế tuyến cơ sở (bao gồm cả y tế doanh nghiệp, y tế học đường, nhân viên y tế khu phố) phối hợp y tế ngoài công lập quản lý toàn diện sức khỏe người dân. Cần bổ sung ít nhất 1.600 bác sĩ (y tế công lập), 5.000 điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh. Đào tạo và tuyển dụng mới

5.000 nhân viên y tế có trình độ từ đại học trở lên, trong đó tối thiểu 2.500 nhân viên tại các cơ sở y tế công lập.

Các bệnh viện xếp cấp chuyên sâu có bác sĩ với trình độ chuyên môn đầu ngành tại các khoa. Thực hiện được đầy đủ danh mục kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế đối với xếp hạng bệnh viện. Phát triển chuyên môn thêm nhiều dịch vụ y tế kỹ thuật cao nhằm thu hút người bệnh.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quan tâm xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, thu hút đội ngũ thầy thuốc có trình độ cao về công tác tại tỉnh.

Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại nhân lực y tế để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là kỹ năng quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao ngày càng cao trong tình hình mới. Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên y tế; điều phối các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên y tế các tuyến bao gồm: công tác chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật, chế độ luân phiên. Thường xuyên cử nhân lực y tế tham gia các khóa tập huấn.

Hỗ trợ kinh phí từ nguồn thu của đơn vị thông qua quy chế chi tiêu nội bộ để thu hút các bác sĩ, chuyên gia giỏi về công tác. Đồng thời, chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát huy hiệu quả sử dụng và xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo điều kiện, môi trường làm việc tốt nhất để cán bộ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài.

Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế. Các bệnh viện tuyến tỉnh là các cơ sở thực hành để đào tạo nhân viên y tế; tổ chức đào tạo, đào tạo liên tục cho nhân viên y tế trong bệnh viện và tuyến dưới. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học lĩnh vực y, dược; ưu tiên nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Đồng thời, tăng cường liên kết với các bệnh viện tuyến trên, hợp đồng với chuyên gia giỏi để đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho đội ngũ y, bác sĩ của tỉnh; tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo địa chỉ, cử tuyển, thi tuyển vào các trường đại học y, dược và thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ cán bộ y tế giỏi về công tác tại tỉnh để bổ sung nhân lực chất lượng cao cho ngành Y tế của địa phương.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đổi mới chính sách thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ ở các khu vực có khó khăn, nhất là khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Tăng cường liên kết với các bệnh viện tuyến trên, hợp đồng với chuyên gia giỏi để đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho đội ngũ y, bác sĩ của tỉnh.

Đối với nhân lực Trạm Y tế xã, phường: Để đạt mục tiêu 100% Trạm Y tế xã, phường có ít nhất 04 bác sĩ vào năm 2027 theo tinh thần Nghị quyết số 72-NQ/TW và Chương trình hành động số 02, đồng thời bổ sung nhân lực theo các

vị trí còn thiếu, nâng cao trình độ chuyên môn thì cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp về cơ chế, đào tạo, hỗ trợ, thu hút, bố trí và sử dụng nhân lực cho phù hợp.

3. Đổi mới tài chính và huy động nguồn lực đầu tư

3.1. Đổi mới tài chính

Tăng cường tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của các cơ sở y tế công lập theo lộ trình. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp.

Thực hiện các quy định về định mức chi ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng tuyến xã phù hợp, bảo đảm đủ tiền lương và các chế độ, chính sách cho viên chức y tế cơ sở, phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; xây dựng và ban hành mức chi thường xuyên ngoài lương để bảo đảm kinh phí cho các hoạt động thường xuyên, hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu của Trạm Y tế xã, phường.

Tăng đầu tư cho y tế nhất là tuyến y tế cơ sở; dành tối thiểu 30% cho y tế dự phòng và khoảng 30-40% cho Trạm Y tế xã. Bố trí đủ kinh phí hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp y tế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên theo đúng quy định. Bố trí kinh phí đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên.

3.2. Huy động nguồn lực đầu tư

Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định pháp luật. Tăng cường đầu tư vốn từ ngân sách Nhà nước cho phát triển y tế theo quan điểm “Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển”. Huy động lồng ghép nguồn lực thuộc các chương trình, đề án, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống. Việc phân bổ vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Đối với các cơ sở khám chữa bệnh công lập, tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách, nguồn thu và nguồn vốn hợp pháp của các đơn vị sự nghiệp để phát triển các chuyên khoa sâu, kỹ thuật cao, triển khai thêm kỹ thuật mới phục vụ cho nhu cầu cấp thiết chăm sóc sức khỏe nhân dân (xây dựng hạ tầng, mua sắm thiết bị y tế, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực...). Nguồn vốn từ ngân sách chỉ ưu tiên cho các lĩnh vực cấp bách, quan trọng về y tế mà y tế ngoài công lập không tham gia đầu tư.

Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế và nâng cao chất lượng dân số. Đa dạng các hình thức hợp tác công - tư, đảm bảo minh bạch, công khai. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân

đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm phòng, chống, ngăn chặn tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để lạm dụng các nguồn lực công phục vụ các "nhóm lợi ích", tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

Khuyến khích, kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực y tế như lĩnh vực sản xuất thiết bị y tế, dược phẩm. Nghiên cứu đề xuất xây dựng, triển khai các phương án xã hội hóa về y tế phù hợp với từng địa phương nhằm hạn chế lãng phí cơ sở vật chất các Trạm Y tế (phòng khám vệ tinh của Bệnh viện đa khoa khu vực, phòng khám Bác sĩ gia đình, liên doanh liên kết, xã hội hóa,...). Quan tâm vận động các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) và không chính thức triển khai các chương trình, dự án y tế, dân số trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển thông tin y tế, khoa học công nghệ ngành y tế

Triển khai ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng lực, trình độ kỹ thuật của hệ thống các Bệnh viện đa khoa và chuyên khoa.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát dịch vụ khám, chữa bệnh; phối hợp chặt chẽ giữa y tế công lập và y tế tư nhân trong việc phát huy hiệu quả thiết bị y tế kỹ thuật cao, công nghệ hiện đại phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Đẩy mạnh triển khai chính sách về y dược học cổ truyền, phát triển đông dược và dược liệu, nâng cao năng lực điều trị của bệnh viện Y dược cổ truyền và Khoa y học cổ truyền của các bệnh viện.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng các thành tựu của y học vào công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ phát triển chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào việc thực hiện nhiệm vụ cấp cứu ngoại viện.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện luân chuyển 2 chiều giữa các cơ sở y tế, đẩy mạnh hoạt động y tế từ xa (ứng dụng công nghệ thông tin khám chữa bệnh từ xa, hội chẩn từ xa; telehealth; êkíp kỹ thuật, chuyên môn, nhóm trao đổi thông tin trong hệ thống), tạo sự liên thông trong hệ thống y tế, hỗ trợ cho việc thực hiện chuyển tuyến đúng chuyên môn và an toàn người bệnh, giảm chi phí khám, chữa bệnh cho người dân. Bảo đảm 100% bệnh viện tuyến cơ sở tham gia mạng lưới khám, chữa bệnh từ xa. Phối hợp với các Trường Đại học Y Dược thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, các dự án nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế.

Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Y tế trong chăm sóc y tế. Phát triển các ứng dụng phần mềm có khả năng cảnh báo, giám sát dịch bệnh nguy hiểm thông qua công nghệ thông tin. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý chất thải y tế. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin kết nối dữ liệu y tế của người dân trên địa bàn toàn tỉnh, các dịch vụ chăm sóc y tế tại cộng đồng được thanh toán BHYT. Hoàn thiện chuẩn hóa, tích hợp hệ thống thông tin y tế từ tỉnh

đến cơ sở; tích hợp, liên thông phần mềm, cơ sở dữ liệu giữa các cơ sở khám chữa bệnh tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu chung của ngành. Xây dựng bệnh viện thông minh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, TTYT chuyên sâu.

Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế; mỗi người dân được lập sổ sức khoẻ điện tử, kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khoẻ theo vòng đời.

5. Liên kết, phát triển

Đẩy mạnh liên kết chặt chẽ giữa các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo các lĩnh vực, đặc biệt xây dựng hệ thống kết nối giữa dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, vùng, giữa các vùng và cả nước, thực hiện kết hợp quân dân y trong chăm sóc sức khỏe. Tăng cường kết nối, hỗ trợ giữa y tế nhà nước và y tế tư nhân, tham mưu cơ chế khuyến khích, huy động và tăng cường vai trò của y tế tư nhân không chỉ trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ y tế mà cả các nhiệm vụ sự nghiệp y tế khác.

Tăng cường các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn thuộc các lĩnh vực y tế dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh, đào tạo, chuyển giao về chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở y tế, các tuyến, ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng và phát triển các hình thức hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến giữa các cơ sở y tế.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế

Phát triển mạng lưới thông tin với một số nước và các tổ chức quốc tế có liên quan đến y tế nhằm tiếp cận, trao đổi, chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học y học trên thế giới.

Củng cố và phát triển các quan hệ hợp tác hiện có, mở rộng quan hệ mới với các nước, các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển; tăng cường vận động và sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ nước ngoài cho đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế; đẩy mạnh hợp tác về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo chất lượng cao và hợp tác trao đổi chuyên gia, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển y tế chuyên sâu.

Tích cực tham gia xây dựng các chính sách, giải quyết các vấn đề y tế vùng. Ứng dụng linh hoạt các thủ tục, quy trình kỹ thuật của ASEAN, APEC và thế giới về y tế. Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn mực y tế trong nước theo hướng hội nhập quốc tế.

7. Hoạt động mạng lưới y tế

- Phát triển mạng lưới y tế theo mô hình cấp chuyên môn đồng bộ, chất lượng cao, lấy y tế cơ sở làm nền tảng.

- Hình thành các cụm y tế chuyên sâu tại các đô thị trung tâm để thu hút đầu tư, liên kết với các bệnh viện Trung ương. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật cao cho Bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện chuyên khoa

- Đẩy mạnh chuyển đổi số y tế toàn diện, hướng tới y tế thông minh.

7.1. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng

- Phát triển hài hòa giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại và y học cổ truyền, giữa y tế công lập và ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt. Tập trung mở rộng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các bệnh viện theo hướng có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hoàn chỉnh đảm bảo yêu cầu về chất lượng, hiện đại và tiêu chuẩn cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục phát triển khu trung tâm y tế phía nam tỉnh hiện đại, kết hợp với đô thị thông minh, là địa chỉ khám chữa bệnh chất lượng cho nhân dân toàn tỉnh cũng như các tỉnh lân cận, giảm thiểu sự quá tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương.

- Kiện toàn mạng lưới tiếp nhận và cung cấp máu toàn tỉnh; đề xuất tiếp nhận công trình xây dựng Trung tâm Điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người tại tỉnh Hưng Yên là trung tâm điều phối khu vực.

- Nâng cấp, phát triển hệ thống phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; đặc biệt trong việc tổ chức thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Khuyến khích phát triển mạng lưới ngoài công lập tăng cả về số lượng và quy mô các phòng khám chuyên khoa phòng khám đa khoa, bệnh viện tư, các cơ sở kinh doanh thuốc đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn.

- Thực hiện liên thông trong hệ thống y tế, hỗ trợ cho việc thực hiện chuyển tuyến đúng chuyên môn và an toàn người bệnh, giảm chi phí khám, chữa bệnh cho người dân.

- Xây mới trung tâm cấp cứu 115; thực hiện đổi tên và thêm chức năng của Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ - lão khoa.

- Mạng lưới y tế ban đầu: Phấn đấu đến năm 2030, 100% Trạm Y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế có đủ năng lực đảm nhận vai trò là cấp chăm sóc ban đầu, đảm bảo chức năng tiếp nhận, sàng lọc và chuyển tuyến người bệnh kịp thời. Sẵn sàng tiếp nhận triển khai mở rộng mô hình chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý bệnh không lây nhiễm.

7.2. Lĩnh vực y tế dự phòng

- Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng; dự báo, giám sát và phát hiện sớm dịch bệnh, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh; bảo đảm an ninh y tế, ứng phó với các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Tiếp tục duy trì, củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng; duy trì kết quả loại trừ bệnh phong theo hướng dẫn của Bộ Y tế; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh và loại trừ bệnh sốt rét.

- Tiếp tục triển khai lồng ghép các hoạt động y tế dự phòng gắn với y tế xã và các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực y tế, như: Chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường, không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia; phòng, chống bệnh nghề nghiệp, cải thiện tình trạng dinh dưỡng. Duy trì các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi; khám, tư vấn và xét nghiệm sàng lọc lao, chẩn đoán sớm các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm tại cộng đồng, đặc biệt là bệnh tâm thần, bệnh lao, HIV/AIDS, các bệnh lây nhiễm từ mẹ sang con; tăng cường triển khai khám, phát hiện sớm ung thư đường sinh dục; quản lý, chăm sóc tốt phụ nữ có thai, sau sinh và trẻ nhỏ, trẻ sơ sinh tại cộng đồng,...

- Thực hiện quản lý sức khỏe của người dân bằng hệ thống phần mềm quản lý sức khỏe điện tử. Cập nhật thông tin, chỉ số sức khỏe, liên thông dữ liệu khi đi khám sức khỏe và khám bệnh, chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để giảm tỷ lệ mắc mới và khống chế tỷ lệ nhiễm lao, HIV trong cộng đồng dân cư. Mở rộng các dịch vụ khám, tư vấn xét nghiệm phát hiện người nhiễm lao, HIV và các bệnh xã hội để giới thiệu người bệnh tiếp cận điều trị sớm tại các cơ sở y tế.

7.3. Lĩnh vực kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn, phát triển dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế

- Đầu tư nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh trở thành trung tâm vùng đạt tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Tiếp tục củng cố nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc – Mỹ phẩm – Thực phẩm, duy trì kết quả “Thực hành tốt phòng thí nghiệm” để phục vụ công tác kiểm nghiệm và nghiên cứu kiểm nghiệm các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kể cả nguyên liệu, phụ liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và các loại thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích phát triển các Công ty cổ phần và các công ty TNHH dược và thiết bị y tế.

- Phát triển mạng lưới cung ứng thuốc phù hợp với nhu cầu của người dân. Phát triển và đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung ứng dược theo Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu quy hoạch, phát triển vùng trồng dược liệu; nghiên cứu triển khai mua sắm, lắp đặt các thiết bị hiện đại để phát triển sản xuất dược liệu, chế phẩm y học cổ truyền phù hợp với thế mạnh và tiềm năng của tỉnh.

- Phát triển hệ thống phân phối, vận chuyển thuốc hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc cho nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh trên phạm vi toàn quốc.

- Thúc đẩy phát triển ngành sản xuất thiết bị y tế phù hợp với năng lực sản xuất các mặt hàng có thế mạnh và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

7.4. Lĩnh vực y khoa, giám định pháp y và pháp y tâm thần

Thực hiện tốt công tác giám định y khoa, phối hợp triển khai công tác khám giám định cho các đối tượng chính sách, đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc các quy trình, nguyên tắc khám giám định cho các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo kết quả khám giám định khách quan, trung thực, chính xác. Kiện toàn Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh.

- Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ làm giám định; đổi mới cơ chế hoạt động, nâng cao chất lượng giám định pháp y, y khoa. Áp dụng chính sách hỗ trợ đặc thù, vượt trội cho người làm giám định chuyên trách pháp y; tăng cường đào tạo bồi dưỡng; có chính sách ưu tiên, miễn giảm học phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở lĩnh vực giám định pháp y.

- Giữ nguyên mạng lưới giám định y khoa, giám định pháp y như hiện nay. củng cố, kiện toàn và đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, có trọng tâm trọng điểm và ứng dụng công nghệ, khoa học, chuyển đổi số cho lĩnh vực giám định pháp y, y khoa và tạo điều kiện cung cấp dịch vụ giám định ngoài tổ tụng đối với lĩnh vực, chuyên ngành được giao.

- Bố trí vị trí Trung tâm pháp y, y khoa gắn liền vào trong quy hoạch tổng thể vị trí của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên, cơ sở y tế khác, đảm bảo sự gắn kết, hỗ trợ kịp thời về chuyên môn, sử dụng hiệu quả thiết bị của các cơ sở y tế cho công tác giám định phục vụ nhu cầu của các cơ quan tố tụng, chính sách an sinh xã hội.

7.5. Lĩnh vực dân số và phát triển

- Các đơn vị thực hiện cung ứng dịch vụ y tế thuộc lĩnh vực dân số và sức khỏe sinh sản sẽ được quy hoạch gắn với quy hoạch hệ thống bệnh viện chuyên khoa sản nhi để cung ứng dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, mở rộng dịch vụ tầm soát trước sinh sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức toàn dân về công tác dân số và phát triển, góp phần ổn định quy mô dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số.

7.6. Lĩnh vực bà mẹ và trẻ em

Tăng cường triển khai Chương trình Dinh dưỡng Bà mẹ và Trẻ em, sử dụng các công cụ như phần mềm "Xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng" cho phụ nữ mang thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em từ 7 tháng đến 60 tháng tuổi.

Tuyên truyền cho trẻ bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, nuôi trẻ hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu và kéo dài đến 24 tháng tuổi. Đảm bảo trẻ em trong độ tuổi được uống vitamin A.

Tăng cường công tác phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với trẻ em có nguy cơ bị xâm hại và trẻ em bị xâm hại. Điều tra, xử lý nghiêm minh tội phạm xâm hại trẻ em.

7.7. Lĩnh vực bảo trợ xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội. Khuyến khích các cơ sở xã hội ngoài công lập tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội, đặc biệt đối với nhóm người cao tuổi, người khuyết tật theo mức hỗ trợ đóng góp kinh phí tỉnh.

Các xã, phường tham gia tuyên truyền phòng, chống tệ nạn mại dâm; các nạn nhân bị mua bán được phát hiện, được tư vấn, hỗ trợ và chăm sóc.

Quan tâm hỗ trợ hộ người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Phần đầu không còn hộ gia đình người có công thuộc diện hộ nghèo.

7.8. Lĩnh vực an toàn thực phẩm

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ cấp tỉnh đến xã, kiểm soát toàn bộ chuỗi cung ứng. Đảm bảo quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng, xây dựng ý thức an toàn thực phẩm toàn dân. Thực hiện dinh dưỡng hợp lý, giảm thiểu bệnh tật, nâng cao thể lực và trí tuệ. Nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, giảm gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực, trí tuệ người Việt, chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi.

- Tăng cường lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp. Thực thi đồng bộ các quy định pháp luật, tăng cường thanh tra, kiểm tra. Đồng thời ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý, giám sát an toàn thực phẩm.

- Truyền thông giáo dục để nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm và dinh dưỡng cho người dân, nhằm đảm bảo sức khỏe cộng đồng, nâng cao quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, kiểm soát toàn bộ chuỗi cung ứng từ sản xuất đến tiêu dùng, xây dựng thói quen dinh dưỡng hợp lý, hướng tới mục tiêu "Mọi người dân đều được sử dụng thực phẩm an toàn".

8. Phát triển hạ tầng y tế

Đến năm 2030, xây dựng và phát triển các cơ sở khám chữa bệnh của tỉnh Hưng Yên theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hoàn chỉnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8.1. Lĩnh vực khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

8.1.1. Cơ sở y tế công lập

8.1.1.1. Các cơ sở y tế thuộc trường

01 Bệnh viện đa khoa thuộc Trường Đại học Y Dược Thái Bình trực thuộc Bộ Y tế; 01 Bệnh viện đa khoa thuộc Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

(Chi tiết tại phụ lục 02: Danh sách các Bệnh viện thuộc Trường đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

8.1.1.2. Các cơ sở y tế tuyến tỉnh

a. Bệnh viện đa khoa: Ưu tiên bố trí quỹ đất dành cho y tế công lập để phát triển bệnh viện đáp ứng nhu cầu nhân dân trên địa bàn tỉnh.

a.1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên

+ Bệnh viện hạng I, cấp chuyên sâu

+ Tập trung đầu tư xây dựng bệnh viện chuyên sâu, thông minh và đồng bộ với quy mô 1.500 giường tại khu quy hoạch mới diện tích 19,2ha thuộc Khu Đại học Phố Hiến, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên, để trở thành Bệnh viện vùng.

+ Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị y tế phục vụ phát triển kỹ thuật cao, chuyên sâu. Đồng thời mở rộng quy mô, bổ sung chức năng nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân tại bệnh viện; Thành lập thêm 03 trung tâm và 01 khoa trong bệnh viện gồm: Trung tâm Ung bướu, Trung tâm tim mạch, Trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chỉ đạo tuyến và Khoa Lão khoa.

a.2. Bệnh viện đa khoa Thái Bình

+ Bệnh viện hạng I, cấp chuyên sâu

+ Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 1.500 giường tại Khu Trung tâm y tế Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

+ Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị y tế phục vụ phát triển kỹ thuật cao, chuyên sâu. Đồng thời mở rộng quy mô, bổ sung chức năng nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân tại bệnh viện; Thành lập thêm 03 trung tâm, 03 khoa và 01 phòng trong bệnh viện gồm: Trung tâm Hồi sức tích cực - Chống độc; Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Chỉ đạo tuyến; Trung tâm Huyết học truyền máu; Khoa Phẫu thuật thẩm mỹ; Khoa Nam học; Khoa miễn dịch dị ứng; Phòng hợp tác quốc tế thuộc Bệnh viện đa khoa Thái Bình.

a.3. Bệnh viện đa khoa Phố Nối

+ Bệnh viện hạng II

+ Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 600 giường

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn. Đồng thời mở rộng quy mô, bổ sung chức năng nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân tại bệnh viện; Thành lập 01 Khoa Thận, Khoa can thiệp tim mạch trong bệnh viện.

b. Bệnh viện chuyên khoa

b.1. Bệnh viện Nhi Thái Bình

- + Bệnh viện hạng I, chuyên sâu
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 700 giường để trở thành Bệnh viện chuyên khoa vùng.
- + Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị y tế phục vụ phát triển kỹ thuật cao, chuyên sâu. Lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc tự động Khu trung tâm xử lý nước thải; Thành lập Trung tâm điều trị trẻ em tâm bệnh và tự kỷ trong bệnh viện.

b.2. Bệnh viện Phụ sản Thái Bình

- + Bệnh viện hạng I
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 550 giường
- + Tiếp tục đầu tư xây dựng nhà trung tâm kỹ thuật cao và điều trị trong bệnh viện và mua sắm thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh; Thành lập Trung tâm sàng lọc sinh sản trong bệnh viện.

b.3. Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Hưng Yên

- + Bệnh viện hạng I
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 500 giường
- + Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh; Thành lập Trung tâm hỗ trợ sinh sản và sàng lọc sơ sinh trong bệnh viện.

b.4. Bệnh viện Da Liễu

- + Bệnh viện hạng II
- + Duy trì quy mô 110 giường
- + Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn; Thành lập Khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ trong bệnh viện.

b.5. Bệnh viện Phục hồi chức năng

- + Bệnh viện hạng II
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 300 giường
- + Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

b.6. Bệnh viện Phổi Thái Bình

- + Từng bước kiện toàn tổ chức các khoa, phòng và nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện hạng II.
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 200 giường
- + Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

b.7. Bệnh viện Mắt Thái Bình

- + Bệnh viện hạng II
- + Tập trung hoàn thiện quy mô giường bệnh 150 giường.
- + Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

b.8. Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Thái Bình

- + Bệnh viện hạng II
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 400 giường
- + Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

b.9. Bệnh viện y học cổ truyền Thái Bình

- + Bệnh viện hạng I
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 600 giường
- + Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn; Đầu tư phát triển Bệnh viện Lão khoa – y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên, đồng thời thành lập Trung tâm đào tạo chỉ đạo tuyến trực thuộc Bệnh viện.

b.10. Bệnh viện Phổi Hưng Yên

- + Bệnh viện hạng II.
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 200 giường
- + Từng bước kiện toàn, nâng cấp tổ chức các khoa, phòng, nhân lực và nâng cấp thiết bị y tế đủ điều kiện đảm nhận chức năng bệnh viện vùng.

b.11. Bệnh viện y dược cổ truyền Hưng Yên

- + Bệnh viện hạng I.
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 400 giường
- + Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

b.12. Bệnh viện Mắt Hưng Yên

- + Bệnh viện hạng II
- + Duy trì quy mô giường bệnh 80 giường
- + Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

b.13. Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hưng Yên

- + Bệnh viện hạng II.
- + Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 200 giường

+ Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

b.14. Bệnh viện Bệnh nhiệt đới

+ Bệnh viện hạng II.

+ Tập trung hoàn thiện bệnh viện quy mô 200 giường

+ Từng bước kiện toàn, nâng cấp tổ chức các khoa, phòng, nhân lực và nâng cấp thiết bị y tế đủ điều kiện đảm nhận chức năng bệnh viện vùng.

(Chi tiết tại phụ lục 01: Danh sách các bệnh viện tuyến tỉnh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

c. Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ

+ Trung tâm hạng II.

+ Từng bước kiện toàn, nâng cấp tổ chức các khoa, phòng, nhân lực và nâng cấp thiết bị y tế đủ điều kiện đảm nhận chức năng bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ.

(Chi tiết tại phụ lục 03. Danh sách các Trung tâm đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

8.1.1.3. Bệnh viện đa khoa khu vực

Đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 20 Bệnh viện đa khoa khu vực được nâng cấp, cải tạo trên hiện trạng quy hoạch đã có, mở rộng quy mô, đầu tư thiết bị, bổ sung chức năng nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân tại 05 bệnh viện, gồm: Bệnh viện đa khoa Vũ Thư, Bệnh viện đa khoa Đông Hưng, Bệnh viện đa khoa Tiền Hải, Bệnh viện đa khoa Tiên Lữ, Bệnh viện đa khoa Khoái Châu. Đồng thời thành lập mới khoa Lão khoa tại các Bệnh viện đa khoa.

Đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị y tế cho 04 Bệnh viện: Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải, Bệnh viện đa khoa Tiền Hải, Bệnh viện đa khoa Thái Thụy, Bệnh viện đa khoa Thái Ninh, là các cơ sở thực hiện nhiệm vụ kết hợp quân dân y trong khám, chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh tại vùng biển thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên.

Thành lập mới khoa Y học biển tại Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải, Bệnh viện đa khoa Tiền Hải, Bệnh viện đa khoa Thái Thụy, Bệnh viện đa khoa Thái Ninh.

Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế cho các cơ sở y tế công lập tuyến cơ sở chưa tự chủ về chi đầu tư.

(Chi tiết tại phụ lục 04: Danh sách các Bệnh viện đa khoa khu vực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

8.1.1.4. Y tế xã, phường

Đầu tư phát triển các Trạm Y tế xã, phường phù hợp với nhu cầu chăm

sức khỏe ban đầu của người dân trên cơ sở là đơn vị sự nghiệp theo Thông tư 43/2025/TT-BYT của Bộ Y tế thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh ban đầu, phòng bệnh và dân số,....

Đến năm 2030, phấn đấu 100% Trạm Y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; 100% Trạm Y tế xã thực hiện được từ 98% trở lên danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; Đảm bảo 100% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo chuẩn.

8.1.1.5. Cơ sở khám chữa bệnh thuộc công an, quân đội

Đầu tư nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh của công an, quân đội trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho lực lượng vũ trang và góp phần chăm sóc sức khỏe cho người dân địa phương.

Đến năm 2030 tỉnh Hưng Yên đầu tư nâng cấp, xây dựng hạ tầng y tế công an tỉnh Hưng Yên như sau: Bệnh xá số 1; Bệnh xá số 2; Bệnh xá Trại tạm giam số 1; Bệnh xá Trại tạm giam số 2.

8.1.2. Cơ sở y tế ngoài công lập

- Duy trì các bệnh viện ngoài công lập hiện có, phát triển bệnh viện tư nhân ngang tầm khu vực và quốc tế cung ứng dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu, đáp ứng nhu cầu của người dân có khả năng chi trả. Các bệnh viện tư nhân phải đáp ứng được tiêu chí về chất lượng theo quy định của Bộ Y tế. Đồng thời khuyến khích xây dựng thêm từ 4 - 5 Bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tư nhân trên địa bàn tỉnh, thực hiện hợp tác công – tư, đầu tư tư nhân, cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu.

- Mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện tư nhân, phấn đấu tỷ lệ giường bệnh tư nhân ít nhất chiếm 15% vào năm 2030 và 25% vào năm 2050.

- Khuyến khích các tổ chức ngoài công lập đầu tư xây dựng và vận hành các trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn; các công ty sản xuất vắc-xin và thiết bị y tế phù hợp với quy định của pháp luật.

- Ưu tiên quỹ đất để thu hút nguồn lực đầu tư từ tư nhân cho lĩnh vực y tế.

8.2. Lĩnh vực y tế dự phòng

Đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tiếp tục duy trì là đơn vị y tế hạng I đạt tiêu chuẩn trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh và kiểm soát các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng. Đồng thời phát triển Trạm Y tế xã phường là đơn vị thực hiện nhiệm vụ dự phòng ban đầu.

(Chi tiết tại phụ lục 03. Danh sách các Trung tâm đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

8.3. Lĩnh vực Kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm

Đầu tư nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh trở thành trung tâm vùng đạt tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm.

(Chi tiết tại phụ lục 3. Danh sách các Trung tâm đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

8.4. Lĩnh vực giám định pháp y, y khoa và pháp y tâm thần

Đầu tư xây mới hạ tầng Trung tâm pháp y và giám định y khoa gắn liền với vị trí của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên, cơ sở y tế khác, đảm bảo sự gắn kết, hỗ trợ kịp thời về chuyên môn, sử dụng hiệu quả thiết bị của các cơ sở y tế cho công tác giám định phục vụ nhu cầu của các cơ quan tổ tụng, chính sách an sinh xã hội.

(Chi tiết tại phụ lục 03. Danh sách các Trung tâm đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

8.5. Hạ tầng công nghệ thông tin và y tế số

- Hoàn thiện số hóa dữ liệu sức khỏe người dân, hình thành kho dữ liệu Y tế về: Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, hình ảnh số y khoa, ...Ứng dụng AI trong y tế, bao gồm hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh, phân tích dữ liệu bệnh nhân và dự báo dịch bệnh.

- Tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử đáp ứng không sử dụng bệnh án giấy, chẩn đoán hình ảnh chỉ sử dụng phim số, người dân có thể thực hiện đăng ký khám và đăng ký tư vấn, khám chữa bệnh từ xa; triển khai các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và các cơ sở khám chữa bệnh đạt tối thiểu 50% trên tổng giá trị thanh toán viện phí.

9. Phương án sử dụng đất y tế tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

Đến năm 2030, nhu cầu đất để phát triển hạ tầng y tế cho các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh cần tối thiểu khoảng 148,6ha, tăng 70,9ha so với năm 2025, chi tiết tại phụ lục 4. Chủ yếu là xây mới, mở rộng, nâng cấp hệ thống các bệnh viện. Cần điều chỉnh quy hoạch, bổ sung đất y tế đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012 Bệnh viện đa khoa (Tối thiểu 100m² đất/1 giường bệnh); Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Thông tư số: 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 4159/BYT-HTTB ngày 30/6/2025 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn sắp xếp, bố trí diện tích làm việc của các cơ sở y tế theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Đối với Trạm Y tế xã, phường nhu cầu sử dụng đất theo chức năng nhiệm vụ tại Thông tư 43/2025/TT-BYT thì cần diện tích đất đủ lớn để đáp ứng các chức năng phòng bệnh, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, dân số, và dược, đảm bảo đủ không gian cho các khoa/bộ phận chuyên môn hoạt động theo quy định. Trạm Y tế xã/phường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp xã, phường do vậy UBND cấp xã, phường chủ động bố trí quỹ đất vào quy hoạch của xã theo các quy định như: Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao; Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp./.

Bảng 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2025

Hạng mục	Đơn vị	Năm		
		2015	2020	2025
Bác sĩ bình quân 1 vạn dân	Người	6,79	10,10	12,1
Giường bệnh tính bình quân 1 vạn dân	Giường	28	36,9	39,8
Tỷ lệ Trạm Y tế xã/phường có bác sĩ	%	100	100	97
Tỷ lệ Trạm Y tế xã/phường có nữ hộ sinh	%	100	100	100
Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	70,5	85,6	95
Số người chết vì các bệnh dịch	Người	1	0	0
Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	98,15	96,93	95
Tỷ lệ trẻ sơ sinh có trọng lượng dưới 2500 gram	%	6	2	2
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	26	19	16
Số vụ ngộ độc thực phẩm	Vụ	5	2	1

Bảng 2: Nhân lực y tế công lập tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2025

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm		
			Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025
1	Nhân lực ngành y				9.304
-	Bác sĩ	Người	2.058	3.170	3.340
-	Y sĩ	Người	1.503	1.413	1.160
-	Điều dưỡng	Người	2.573	3.856	3.704
-	Hộ sinh	Người	768	743	605
-	Kỹ thuật viên y	Người	673	598	345
-	Khác	Người	557	1.225	150
-	Số bác sĩ/1 vạn dân	Người	6,79	10,10	12,1
-	Tỷ lệ Trạm Y tế xã/phường có bác sĩ	%	100	100	97,00
-	Tỷ lệ Trạm Y tế xã/phường có nữ hộ sinh	%	100	100	100
2	Nhân lực ngành dược				856
-	Dược sĩ	Người	139	258	348
-	Dược sĩ cao đẳng, trung cấp	Người	963	924	508
-	Dược tá	Người	20	18	
	Tổng cộng				10.160

Bảng 3: Hiện trạng bệnh viện công lập tuyến tỉnh và quy mô giường bệnh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

STT	Tên bệnh viện	Địa chỉ trụ sở	Quy mô giường bệnh
I	Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh		
1	Bệnh viện đa khoa Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	1500
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	900
3	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	540
II	Bệnh viện chuyên khoa		
1	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	240
2	Bệnh viện Phổi Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	150
3	Bệnh viện Mắt Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	110
4	Bệnh viện Nhi Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	570
5	Bệnh viện Da liễu	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	110
6	Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	450
7	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	400
8	Bệnh viện y học cổ truyền Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	400
9	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	155
10	Bệnh viện y dược cổ truyền Hưng Yên	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	250
11	Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	80
12	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hưng Yên	Xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	130
13	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	Xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	350
14	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	100

Bảng 4: Danh sách các Bệnh viện thuộc Trường năm 2025

STT	Tên bệnh viện	Địa chỉ trụ sở	Quy mô giường bệnh
1	Bệnh viện đa khoa Trường Đại học Y dược Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	282
2	Bệnh viện đa khoa Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	150

Bảng 5: Danh sách các Trung tâm y tế tuyến tỉnh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
1	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
2	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
3	Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

Bảng 6: Hiện trạng Bệnh viện đa khoa khu vực và quy mô giường bệnh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

STT	Tên bệnh viện	Địa chỉ trụ sở	Quy mô giường bệnh
1	Bệnh viện đa khoa Trần Lãm	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	250
2	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	240
3	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	230
4	Bệnh viện đa khoa Phụ Dực	Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên	260
5	Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải	Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	200
6	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà Thái Bình	Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	220
7	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	270
8	Bệnh viện đa khoa Tiền Hải	Xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên	400
9	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên	300
10	Bệnh viện đa khoa Vũ Thư	Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	220
11	Bệnh viện đa khoa Kiến Xương	Xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	250
12	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	300
13	Bệnh viện đa khoa Ân Thi	Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	100
14	Bệnh viện đa khoa Khoái Châu	Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	170
15	Bệnh viện đa khoa Kim Động	Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	110
16	Bệnh viện đa khoa Phù Cừ	Xã Đoàn Đào, tỉnh Hưng Yên	200
17	Bệnh viện đa khoa Tiên Lữ	Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	200
18	Bệnh viện đa khoa Văn Giang	Xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	250
19	Bệnh viện đa khoa Văn Lâm	Xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên	110
20	Bệnh viện đa khoa Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	90

**Bảng 7: Danh sách bệnh viện ngoài công lập trên địa bàn
tỉnh Hưng Yên năm 2025**

STT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ trụ sở	Giường bệnh
1	Bệnh viện Đột quỵ thần kinh Hà Nội – Thái Bình	01 Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên	48
2	Bệnh viện đa khoa Tư nhân Lâm Hoa	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	35
3	Bệnh viện đa khoa Hoàng An	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	98
4	Bệnh viện Phụ sản An Đức	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	99
5	Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa Hưng Hà	Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	48
6	Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	200
7	Bệnh viện Lão khoa Phước Hải	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	100
8	Bệnh viện Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	150
9	Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn	Xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	100
10	Bệnh viện Mắt Hà Nội - Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	22
11	Bệnh viện đa khoa Phúc Lâm	Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên	100
12	Bệnh viện Mắt Alina	Khu biệt thự Mimosa, Khu đô thị Ecopark, Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	15
13	Bệnh viện Mắt Hải Hưng	Số 222 Nguyễn Khoái, Xã Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	10
14	Bệnh viện Mắt Việt Hà Nội	Khu dân cư mới An Vĩ, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	10
15	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà	Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	300
16	Bệnh viện Kusumi - Bệnh viện ĐH Y khoa Tokyo Việt Nam	Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	150

Phụ lục 01: Danh sách các bệnh viện công lập tuyến tỉnh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

STT	Tên cơ sở Y tế	Địa điểm	Hạng bệnh viện, phân cấp chuyên môn		Quy mô giường bệnh		Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	
I	QUY HOẠCH MỚI						
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên mới	Khu Đại học Phố Hiến, phường phố Hiến, tỉnh Hưng Yên		I		1500	Quy hoạch mới
II	BỆNH VIỆN NÂNG CẤP, MỞ RỘNG						
	1. Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh						
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa Thái Bình	Khu Trung tâm Y tế Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	I	I	1500	1600	Mở rộng
2	Bệnh viện đa khoa Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	I	I	1200	1500	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Trung tâm Hồi sức tích cực – chống độc</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Đơn nguyên Ghép tạng</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chỉ đạo tuyến</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Trung tâm huyết học truyền máu</i>						<i>Thành lập mới</i>
3	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	I	I	900	1500	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Trung tâm Ung bướu</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Trung tâm Tim mạch</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chỉ đạo tuyến</i>						<i>Thành lập mới</i>
4	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng	II	I	540	600	Cải tạo nâng cấp

STT	Tên cơ sở Y tế	Địa điểm	Hạng bệnh viện, phân cấp chuyên môn		Quy mô giường bệnh		Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	
		Yên					
-	<i>Khoa Thận nhân tạo</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Khoa can thiệp tim mạch</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
	2. Bệnh viện chuyên khoa						
1	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	II	II	240	300	Cải tạo nâng cấp
2	Bệnh viện Phổi Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	II	II	150	200	Cải tạo nâng cấp
3	Bệnh viện Mắt Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	II	II	110	150	Cải tạo nâng cấp
4	Bệnh viện Nhi Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	I	I	570	700	Nâng cấp đủ điều kiện đảm nhận chức năng bệnh viện vùng
-	<i>Trung tâm điều trị trẻ em tâm bệnh và tự kỷ</i>						<i>Thành lập mới</i>
5	Bệnh viện Da liễu	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	II	II	110	110	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ</i>						<i>Thành lập mới</i>
6	Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	I	I	450	550	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Trung tâm sàng lọc sinh sản</i>						<i>Thành lập mới</i>
7	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	II	II	400	400	Cải tạo nâng cấp
8	Bệnh viện y học cổ truyền Thái Bình	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	II	I	400	600	Cải tạo nâng cấp

STT	Tên cơ sở Y tế	Địa điểm	Hạng bệnh viện, phân cấp chuyên môn		Quy mô giường bệnh		Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	
		Yên					
-	<i>Bệnh viện Lão khoa – Y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên (đổi tên từ nguyên trạng Bệnh viện y học cổ truyền Thái Bình)</i>						<i>Thành lập mới</i>
9	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	II	II	155	200	Nâng cấp đủ điều kiện đảm nhận chức năng bệnh viện vùng
10	Bệnh viện y dược cổ truyền Hưng Yên	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	II	I	250	400	Cải tạo nâng cấp
11	Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	II	II	80	80	Cải tạo nâng cấp
12	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hưng Yên	Xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	II	II	130	200	Cải tạo nâng cấp
13	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	Xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	II	I	350	500	Nâng cấp đủ điều kiện đảm nhận chức năng bệnh viện vùng
-	<i>Trung tâm hỗ trợ sinh sản và sàng lọc sơ sinh</i>						<i>Thành lập mới</i>
14	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	II	II	100	200	Nâng cấp đủ điều kiện đảm nhận chức năng bệnh viện vùng

Phụ lục 02: Danh sách các Bệnh viện thuộc Trường đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

STT	Tên cơ sở Y tế	Địa điểm	Hạng bệnh viện, phân cấp chuyên môn		Quy mô giường bệnh		Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	
1	Bệnh viện đa khoa Trường Đại học Y dược Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo , tỉnh Hưng Yên	II	I	282	500	Cải tạo nâng cấp
2	Bệnh viện đa khoa Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo , tỉnh Hưng Yên	II	I	150	200	Cải tạo nâng cấp

Phụ lục 03: Danh sách các Trung tâm đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

STT	Tên cơ sở Y tế	Địa điểm	Hạng bệnh viện, phân cấp chuyên môn		Quy mô giường bệnh		Ghi chú
			Hiện trạng	QH đến 2030	Hiện trạng	QH đến 2030	
1	Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa (quy hoạch mới của BVĐK tỉnh Hưng Yên)	Khu đại học phố Hiến, phường phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	III				
-	<i>Quy hoạch mới cạnh quy hoạch mới của BVĐK tỉnh Hưng Yên</i>	<i>Khu đại học phố Hiến, phường phố Hiến, tỉnh Hưng Yên</i>					<i>Xây dựng mới</i>
2	Trung tâm cấp cứu 115 (cơ sở 1)	Khu trung tâm y tế, phường Trần Lãm tỉnh Hưng Yên	III				<i>Thành lập, xây dựng mới</i>
-	<i>Cơ sở 2 Trung tâm cấp cứu 115</i>	<i>Đường Trần Quang Khải, phường Phố Hiến</i>					<i>Nguyên ủy từ cơ sở 3 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật</i>
3	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm	Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	III				Cải tạo nâng cấp hạ tầng, thiết bị
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh cơ sở 1	Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	II				Nâng cấp hạ tầng, thiết bị
-	<i>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh cơ sở 2</i>	<i>Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên</i>	II				<i>Cải tạo nâng cấp</i>
5	Trung tâm Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ - Lão khoa (<i>nguyên ủy từ Trung tâm Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh</i>)	Đường Chu Mạnh Chinh, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	II			50	Nâng cấp hạ tầng, thiết bị

Phụ lục 04: Danh sách các Bệnh viện đa khoa khu vực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

STT	Tên cơ sở Y tế	Địa điểm	Hạng bệnh viện, phân cấp chuyên môn		Quy mô giường bệnh		Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	
1	Bệnh viện đa khoa Trần Lãm	Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	II	II	250	300	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
2	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	II	II	240	450	Cải tạo nâng cấp
	<i>Khoa Y học biển</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
3	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	II	II	200	300	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
4	Bệnh viện đa khoa Phụ Dực	Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên	II	I	260	300	Cải tạo nâng cấp mở rộng
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
5	Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải	Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	II	II	240	300	Cải tạo nâng cấp
	<i>Khoa Y học biển</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
6	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà Thái Bình	Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	II	II	220	350	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
7	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	II	II	270	400	Cải tạo nâng cấp
	<i>Khoa Y học biển</i>						<i>Thành lập mới</i>
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
8	Bệnh viện đa khoa Tiền Hải	Xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên	II	II	400	500	
	<i>Khoa Y học biển</i>						<i>Thành lập mới</i>
9	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên	II	II	300	500	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>

STT	Tên cơ sở Y tế	Địa điểm	Hạng bệnh viện, phân cấp chuyên môn		Quy mô giường bệnh		Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	Hiện trạng	Quy hoạch đến 2030	
10	Bệnh viện đa khoa Vũ Thư	Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	II	II	220	400	Cải tạo nâng cấp, mở rộng
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
11	Bệnh viện đa khoa Kiến Xương	Xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	II	II	400	500	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
12	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	II	II	300	400	Cải tạo nâng cấp
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>
13	Bệnh viện đa khoa Tiên Lữ	Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	II	II	200	350	Cải tạo sửa chữa nâng cấp và thành lập mới
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						
14	Bệnh viện đa khoa Phù Cừ	Xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên	III	II	200	300	
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						
15	Bệnh viện đa khoa Ân Thi	Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	III	III	100	200	
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						
16	Bệnh viện đa khoa Kim Động	Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	III	III	110	150	
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						
17	Bệnh viện đa khoa Khoái Châu	Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	II	II	170	300	
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						
18	Bệnh viện đa khoa Văn Lâm	Xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên	III	III	110	110	
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						
19	Bệnh viện đa khoa Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	III	III	90	150	
-	<i>Khoa Lão khoa</i>						
20	Bệnh viện đa khoa Văn Giang	Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	II	II	250	400	
	<i>Khoa Lão khoa</i>						<i>Thành lập mới</i>

**Phụ lục 05: Thực trạng và nhu cầu đề xuất tối thiểu diện tích đất đến năm 2030
theo quy mô giường bệnh**

STT	Tên bệnh viện	Số giường bệnh KH đã phê duyet	Số giường bệnh đến 2030	Tổng diện tích đất hiện có (m2)	Tổng diện tích sàn hiện có (m2)	Diện tích đất so với số giường năm 2030 (m2)	Diện tích đất cần bổ sung đến năm 2030 (m2)
1	BVĐK tỉnh Hưng Yên	900	1.500	59.397	43.235	150.000	90.603
2	BVĐK Phố Nối	540	600	51.858	31.429	60.000	8.142
3	BV Sản Nhi Hưng Yên	350	500	44.892	29.496	50.000	5.108
4	BVSKTT Hưng Yên	130	200	23.500	8.065	20.000	
5	BVYDCT Hưng Yên	250	400	21.401	12.741,86	40.000	18.598,8
6	BV Bệnh nhiệt đới	100	200	10.973	10.150	20.000	9.027
7	BV Mắt Hưng Yên	80	80	3.595	4.100	8.000	4.405
8	BV Phổi Hưng Yên	155	200	15.974	7.876	20.000	4.026
9	BV Phổi Thái Bình	170	200	26.500	7.650	20.000	
10	BVĐK Thái Bình	1.520	1.600	49.925,5	17.283,7	160.000	110.074,5
11	BV Nhi Thái Bình	570	700	30.173,3	26.023	70.000	39.826,7
12	BVYHCT Thái Bình	400	600	14.309,8	16.467,4	60.000	45.690,2
13	BV Phụ sản Thái Bình	450	550	18.072,4	22.000,19	55.000	36.927,6
14	BV Phục hồi chức năng	240	300	8.420,9	8.300	30.000	21.579,1
15	BV Mắt Thái Bình	110	150	20.268,9	7.431	11.000	
16	BVSKTT Thái Bình	380	400	22.263	10.237,2	40.000	17.736,9
17	Bệnh viện Da liễu	110	110	77.271,9	13.363,4	11.000	
17.1	Bệnh viện Da liễu cs1	30		839,6	1.242,9	-	
17.2	Bệnh viện Da liễu cs2	80		72.696,8	8.724	-	
1673	Bệnh viện Da liễu cs3			3.735,5	3.396,5	-	
18	BVĐK Tiền Hải	400	500	24.775,5	14.764,3	50.000	25.224,5
19	BVĐK Nam Tiền Hải	240	300	10.966,2	7.116	30.000	19.033,8
20	BVĐK Đông Hưng	350	400	25.141,9	14.462	40.000	14.858,1
21	BVĐK Thái Thụy	350	400	15.008,9	9.692,98	40.000	24.991,1
22	BVĐK Thái Ninh	240	450	16.536,4	8.832,2	45.000	28.463,6
23	BVĐK Kiến Xương	400	500	25.000	20.000	50.000	25.000
24	BVĐK Hưng Hà Thái Bình	300	350	16.691,4	11.290,87	35.000	18.308,6
25	BVĐK Hưng Nhân	230	300	18.828,4	11.403,5	12.000	6.171,6
26	BVĐK Phú Dục	260	300	18.280,2	9.334	30.000	11.719,8
27	BVĐK Quỳnh phụ	400	500	21.673,9	15.562	50.000	28.326,1
28	BVĐK Trần Lãm	250	300	11.888	11.220	30.000	18.112
29	BVĐK Vũ Thư	365	400	31.719,6	10.937,4	40.000	8.280,4
30	BVĐK Phù Cừ	200	300	14.745	11.427,57	30.000	15.255

31	BVĐK Ân Thi	100	200	19.032	11.940	20.000	968
32	BVĐK Kim Động	110	150	11,81	4.691	15.000	14.988,19
33	BVĐK Văn Giang	250	400	25.362	10.065	40.000	14.638
34	BVĐK Văn Lâm	110	110	10.379,2	6.002	11.000	620,8
35	BVĐK Tiên Lữ	200	350	16.325	13.082,3	35.000	18.675
36	BVĐK Yên Mỹ	90	150	13.497	6.705	15.000	1.503
37	BVĐK Khoái Châu	170	300	27.000	11.200	30.000	3.000
	Tổng cộng	11.300	14.860	928.551,11	508.940,27	1.486.000	709.882,39